

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ (PVFCCo-SE)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0305918852 (số cũ: 4104005809) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/09/2013)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**
*(Quyết định đăng ký niêm yết số:/ QĐ - SGDHN
do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày tháng năm ...)*

↪ Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

**1. CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ
(PVFCCo-SE)**

Địa chỉ: Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại: (84-08) 35 111 999 Fax: (84-08) 35 111 666

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

➤ *Trụ sở chính:*

Địa chỉ: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 04.3934 3888 Fax: 04.3934 3999
Website: www.psi.vn Email: psi@psi.vn

➤ *Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:*

Địa chỉ: 24-26 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại: 08.3914 6789 Fax: 08.3914 6969

➤ *Chi nhánh Vũng Tàu:*

Địa chỉ: Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, Số 8 Hoàng Diệu, Tp. Vũng Tàu
Điện thoại: 064.6254 520 Fax: 064.6254 521

➤ *Chi nhánh Đà Nẵng:*

Địa chỉ: Số 54-56 Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: 0511. 3899 338 Fax: 0511.3899 339

↪ Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông Hoàng Tuấn Vinh Chức vụ: UV HĐQT
Điện thoại: 0903374928

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ
(PVFCCo-SE)**

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0305918852 (số cũ: 4104005809) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/09/2013)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Dầu khí Đông Nam Bộ
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu : PSE
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết : 12.500.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết : 125.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở : 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội

Điện thoại: 04.3934 3888 Fax : 04.3934 3999

Email: psi@psi.vn Website: www.psi.vn

Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh: 24-26, Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP.HCM

Điện thoại: 08.3914 6789 Fax: 08.3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu : P112, Tòa nhà Petro Tower, Số 8 Hoàng Diệu, Tp.Vũng Tàu

Điện thoại: 064.6254 520 Fax : 064.6254 521

Chi nhánh Đà Nẵng : Số 54-56 Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.3899 338 Fax : 0511.3899 339

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 8, Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.3852 4123 Fax: 04.3852 4143

Website: www.deloitte.com.vn

MỤC LỤC



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	4
1. Rủi ro kinh tế.....	4
2. Rủi ro luật pháp.....	5
3. Rủi ro đặc thù.....	5
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết.....	5
5. Rủi ro khác.....	6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
1. Tổ chức niêm yết.....	7
2. Tổ chức tư vấn.....	7
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	8
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	9
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	9
1.1. Giới thiệu chung về Công ty.....	9
1.2. Quá trình hình thành và phát triển.....	9
1.3. Quá trình tăng vốn.....	10
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty.....	10
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông.....	15
3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	15
3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	15
3.3. Cơ cấu cổ đông.....	15
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của PVFCCo-SE, những công ty mà PVFCCo-SE đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với PVFCCo-SE.....	16
5. Hoạt động kinh doanh.....	16
5.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	16
5.2. Nguyên vật liệu.....	18

5.2.1. Nguồn nguyên vật liệu:.....	18
5.3. Chi phí sản xuất.....	19
5.4. Trình độ công nghệ.....	20
5.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	20
5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	20
5.7. Hoạt động Marketing.....	21
5.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	22
5.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	22
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	23
6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất.....	23
6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013	25
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	26
7.1. Vị thế của Công ty trong ngành.....	26
7.2. Triển vọng phát triển của ngành.....	26
7.2.1. Triển vọng phát triển của thị trường phân bón.....	27
7.2.2. Triển vọng phát triển thị trường phân bón nội địa.....	28
7.2.3. Triển vọng phát triển của thị trường phân bón tại khu vực Đông Nam Bộ.....	29
7.2.4. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành.....	29
7.2.5. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.....	30
8. Chính sách đối với người lao động.....	31
8.1. Số lượng người lao động trong Công ty.....	31
8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp và các chính sách đãi ngộ khác.....	32
9. Chính sách cổ tức.....	33
10. Tình hình hoạt động tài chính.....	34
10.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	34
10.1.1. Trích khấu hao TSCĐ.....	34
10.1.2. Mức lương bình quân.....	35
10.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn.....	35
10.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định.....	35
10.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định.....	35

10.1.6. Tổng dư nợ vay	36
10.1.7. Tình hình công nợ hiện nay	36
10.1.8. Hàng tồn kho	38
10.1.9. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	38
11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát	39
11.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:	39
11.2. Thành viên Ban kiểm soát	51
12. Tài sản	55
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	56
13.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	57
13.2. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua:	57
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	58
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của PVFCCo-SE	58
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	58
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	59
1. Loại chứng khoán	59
2. Mệnh giá	59
3. Tổng số chứng khoán niêm yết	59
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết	59
5. Phương pháp tính giá	60
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	61
7. Các loại thuế có liên quan	61
7.1. Thuế liên quan đến tổ chức niêm yết chứng khoán	61
7.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán	62
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	65
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT	65
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	65
VII. PHỤ LỤC	65

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Rủi ro kinh tế

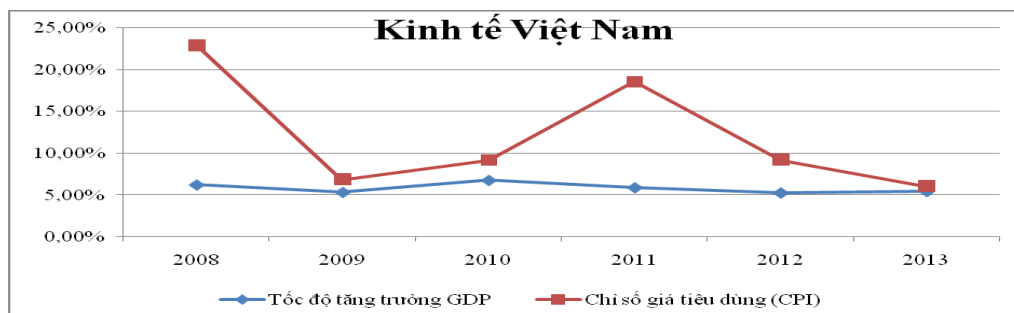
Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, v.v... Sự biến động của các yếu tố này thường mang tính tác động hệ thống tới đa số các ngành nghề trong nền kinh tế.

Theo Cục Thống kê, GDP năm 2013 tăng 5,42% so với năm 2012, và có thể nói tăng trưởng GDP của nền kinh tế có xu hướng tăng lên. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2013 tăng 6,6% so với bình quân năm 2012, và thấp hơn nhiều so với mức tăng 9,21% của năm 2012. Có thể nói năm 2013 là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. (Nguồn: Cục Thống kê).

Trong bối cảnh kinh tế thế giới thời gian vừa qua có nhiều bất ổn, tình hình kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, lạm phát tăng cao, sản xuất đình trệ. Tuy nhiên, trong năm 2013, nhìn chung, nền kinh tế đã có những bước phục hồi. Cụ thể, kinh tế vĩ mô cơ bản đã ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, tăng trưởng tín dụng những tháng cuối năm có những cải thiện rõ rệt, thu hút đầu tư nước ngoài đã có những biến chuyển tích cực hơn, Mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức cho nền kinh tế, song đã thể hiện sự đúng đắn, kịp thời, và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành. (Nguồn: Cục Thống kê).

Tình hình vĩ mô trong 10 tháng năm 2014 cũng đã có những chuyển biến tích cực. Cụ thể là lạm phát đã ổn định và duy trì ở mức thấp, chỉ số giá tiêu dùng tháng 10 năm 2014 tăng 2,36% so với đầu năm và 3,23% so với cùng kỳ. Chỉ số sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì tăng trưởng mạnh trên 6%. Tình hình nhập khẩu đã tăng dần trở lại, tháng 10 năm 2014, Việt Nam ước nhập siêu 400 triệu USD, đưa giá trị thặng dư cán cân thương mại của Việt Nam lũy kế 10 tháng lùi về mức 1,87 tỷ USD. Tỷ giá nằm trong tầm kiểm soát, chỉ tăng nhẹ, và lãi suất được tiếp tục điều chỉnh giảm với mức trần là 5,5%, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Những chuyển biến của nền kinh tế cũng đã tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

2. **Rủi ro luật pháp**

Hệ thống luật pháp Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, do vậy có thể sẽ có những thay đổi một số quy định của pháp luật.

Là Công ty Cổ phần, hoạt động kinh doanh của PVFCCo - SE chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, đồng thời chịu sự điều chỉnh của các luật khác như: Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Thương mại, ... và các chính sách của Nhà nước có liên quan. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty cũng như hiệu quả đầu tư của nhà đầu tư khi nắm giữ cổ phiếu PVFCCo - SE.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn thường xuyên cập nhật hệ thống pháp luật, nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật cũng như thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ, công nhân viên và cổ đông của Công ty.

3. **Rủi ro đặc thù**

Thị trường phân bón thế giới và Việt Nam đang bão hòa, nguồn cung đang vượt quá cầu, đặc biệt là phân Urê. Tại thị trường nội địa, trong khi nhu cầu phân bón ổn định ở mức 10-11 triệu tấn/năm thì nguồn cung phân bón đã tăng lên nhanh chóng do việc ra đời những nhà máy sản xuất phân bón mới. Dự kiến đến cuối năm 2014, dự án mở rộng nhà máy Đạm Hà Bắc hoàn thành, sẽ nâng công suất từ 180 nghìn tấn/năm lên 500 nghìn tấn/năm. Như vậy, cả nước sẽ sản xuất 2,66 triệu tấn phân Urê/năm, tuy nhiên vẫn phải nhập khẩu hoàn toàn phân Kali và SA.

Thêm vào đó, giá phân bón trong nước sẽ có xu hướng giảm theo giá phân bón thế giới. Nguyên nhân chính là do sự gia tăng mạnh nguồn cung phân bón trên thế giới cũng như đẩy mạnh sản xuất phân bón trong nước.

Giá nguyên liệu đầu vào tăng và áp lực cạnh tranh với phân bón nhập khẩu, mà đặc biệt là Trung Quốc cũng là những thách thức rất lớn cho các doanh nghiệp phân bón trong thị trường nội địa. Ngoài ra, các doanh nghiệp kinh doanh phân bón còn phải đối mặt với tình trạng phân bón giả, kém chất lượng với giá thành rẻ hơn, và những quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón khắt khe hơn thông qua Nghị định 202/2013/NĐ-CP.

Như vậy, các doanh nghiệp phân bón một mặt sẽ phải cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp trong thị trường nội địa, mặt khác phải cạnh tranh với các thị trường xuất khẩu phân bón với giá thành rẻ hơn trên thế giới.

4. **Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết**

Việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ đem lại những lợi ích to lớn cho Công ty như khẳng định uy tín, quảng bá rộng rãi thương hiệu, tăng cường tính thanh khoản, tạo cơ hội cho Công ty huy động vốn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng đến việc chuẩn mực hóa công tác quản trị và điều hành của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố, trong đó tình

hình hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức niêm yết chỉ là một yếu tố tác động. Giá chứng khoán biến động có thể do: cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội, sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư, v.v... Sự biến động giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị, tâm lý của các khách hàng của Công ty.

5. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Nguyễn Đức Hòa	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trịnh Văn Khiêm	Chức vụ: Giám Đốc
Ông Võ Ngọc Phương	Chức vụ: Kế Toán Trưởng
Bà Phạm Hoài Hương	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện: Ông **Mai Trung Dũng** Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty

(Theo Giấy ủy quyền số 08/UQ-CKDK ngày 02/08/2014)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn niêm yết chứng khoán số 186/CKDK-TV-HCM1/2014 ngày 07/11/2014 với Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

- PVFCCo-SE Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ
- Tổng Công ty Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP
- PVFCCo Tên viết tắt của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP
- PSI Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- SGDCK Sở Giao dịch Chứng khoán
- HNX Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- CBCNV Cán bộ công nhân viên
- BHXH Bảo hiểm xã hội
- BHYT Bảo hiểm y tế
- BHLĐ Bảo hiểm lao động
- SXKD Sản xuất kinh doanh
- TSCĐ Tài sản cố định
- CNĐKKD Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- HĐQT Hội đồng quản trị
- BGĐ Ban giám đốc
- P/E Hệ số giá trên thu nhập một cổ phiếu
- P/B Hệ số giá trên giá trị sổ sách
- TNH H Trách nhiệm hữu hạn
- DTT Doanh thu thuần
- LNTT Lợi nhuận trước thuế
- LNST Lợi nhuận sau thuế
- TNDN Thu nhập doanh nghiệp

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Công ty

- Tên Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**
- Tên tiếng anh **SOUTH-EAST PETROVIETNAM FERTILIZER AND CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt **PVFCCo-SE** 
- Biểu tượng của Công ty: 
- Vốn điều lệ đăng ký: 125.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng chẵn)
- Vốn điều lệ thực góp: 125.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng chẵn)
- Trụ sở chính Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- Điện thoại (84-08) 35 111 999 Fax (84-08) 35 111 666
- Website www.pse.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 0305918852 (số cũ : 4104005809) do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp lần đầu ngày 18/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/09/2013.
- Ngày 26/05/2011, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bổ sung vào danh sách công ty đại chúng theo Công văn số 1515/UBCK-QLPH.
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:
 - ✓ Sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất ni tơ ;
 - ✓ Bán buôn, bán lẻ phân bón và hóa chất sử dụng trong công – nông nghiệp;
 - ✓ Bán buôn, bán lẻ nông, lâm sản nguyên liệu, gạo, thực phẩm;
 - ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa;
 - ✓ Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất;
 - ✓ Kinh doanh dịch vụ logistic và kinh doanh bất động sản.
- Tài khoản Số 1608 2010 01991 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Trường Sơn.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ, tiền thân là Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa Chất Dầu khí Đông Nam Bộ trực thuộc Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu khí – CTCP, được thành lập theo quyết định số 115/QĐ-HĐQT ngày 7/8/2008 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 18/08/2008 theo giấy phép kinh doanh số 4104005809 do Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp với mức vốn điều lệ ban

đầu là 85.000.000.000 đ (Tám mươi lăm tỷ đồng).

Ngày 31/12/2010, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty TNHH MTV sang công ty TNHH trên hai thành viên, đồng thời tăng vốn điều lệ lên 125.000.000.000 đ (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng) và đổi tên viết tắt thành PVFCCo-SE (Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0305918852 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 31/12/2010).

Ngày 30/01/2011, Công ty đã chính thức chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ (Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0305918852 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 30/01/2011).

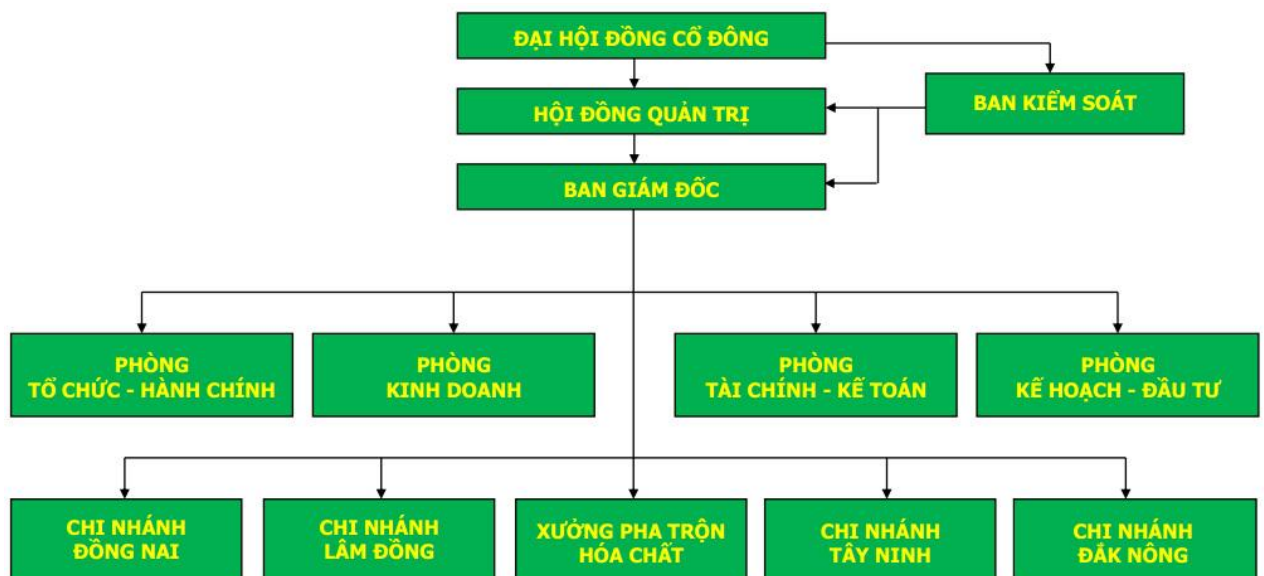
1.3. Quá trình tăng vốn

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm chuyển đổi từ công ty TNHH sang Công ty cổ phần theo giấy phép kinh doanh số 0305918852 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 30/01/2011 là 125.000.000.000 đ (một trăm hai mươi lăm tỷ đồng). Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện bất kỳ hình thức tăng vốn điều lệ nào.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Căn cứ theo (1) Luật Doanh Nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 và (2) Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 15 tháng 04 năm 2013, PVFCCo-SE có cơ cấu tổ chức như sau:

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty thể hiện qua sơ đồ sau:



✚ **Đại hội đồng cổ đông** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

- ✚ **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty gồm 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.
- ✚ **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Công ty. Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.
- ✚ **Ban Giám đốc:** Gồm Giám đốc và các Phó giám đốc. Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giúp việc cho Giám đốc là các Phó giám đốc chuyên môn. Ban Giám đốc Công ty gồm 3 thành viên: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.
- ✚ **Phòng tổ chức – hành chính (TCHC)**

Phòng Tổ chức - Hành chính là phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc bộ máy điều hành Công ty, có chức năng giúp Giám đốc Công ty quản lý điều hành và triển khai thực hiện các công tác sau:

 - Chiến lược nguồn nhân lực;
 - Quản lý nhân sự, công tác cán bộ;
 - Tuyển dụng; Đào tạo;
 - Tiền lương và chế độ chính sách;
 - Quản lý công tác thi đua khen thưởng kỷ luật;
 - An ninh quốc phòng và bảo vệ chính trị nội bộ;
 - Công tác Hành chính tổng hợp;
 - Quản lý hệ thống Công nghệ thông tin;
 - Công tác văn thư, lưu trữ;
 - Công tác Lễ tân;
 - Công tác Tổ chức sự kiện;
 - Xây dựng, phổ biến và duy trì Văn hóa doanh nghiệp;
 - Đảm bảo về mặt pháp lý các dự thảo văn bản/hợp đồng, các quy chế/quy định trong Công ty;

- Phổ biến, hướng dẫn pháp luật;
- Quản lý công tác An ninh - An toàn - Sức khỏe - Môi trường và Vệ sinh lao động;
- Quản lý hệ thống;
- Quản lý, tổ chức thực hiện công tác an sinh xã hội tại khu vực;
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty phân công.

Phòng tài chính kế toán (TCKT):

Phòng Tài chính - Kế toán là phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc bộ máy điều hành Công ty, có chức năng giúp Giám đốc Công ty quản lý điều hành và triển khai thực hiện các công tác sau:

- Bảo toàn, khai thác có hiệu quả và phát triển vốn, tài sản của Công ty;
- Quản lý, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo các nghiệp vụ tài chính, kế toán, thống kê, kế toán quản trị trong toàn Công ty tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty;
- Lập các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty phân công.

Phòng kinh doanh

Phòng Kinh doanh là phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc bộ máy điều hành Công ty, có chức năng giúp Giám đốc Công ty quản lý, điều hành và triển khai thực hiện các công tác sau:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và các giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh;
- Xây dựng hệ thống phân phối hàng hóa của Công ty;
- Tổ chức kinh doanh, phân phối và quản lý sản phẩm Phân bón do Tổng Công ty sản xuất;
- Quản lý công tác phân phối, điều độ và nhập xuất hàng hóa;
- Tổ chức hệ thống thông tin thị trường phân bón;
- Kinh doanh hóa chất;
- Quản lý hoạt động các dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ bán hàng cho các sản phẩm phân bón;
- Xây dựng chiến lược, kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động tiếp thị và truyền thông;
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty phân công.

Phòng kế hoạch - đầu tư (KHĐT)

Phòng Kế hoạch - Đầu tư là phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc bộ máy điều hành Công ty, có chức năng giúp Giám đốc Công ty quản lý điều hành và triển khai thực hiện các công tác sau:

- Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và điều hành triển khai thực hiện chiến lược phát triển, các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của Công ty;
- Triển khai thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất phục vụ công tác quản lý của Công ty;
- Tham mưu, đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả SXKD nhằm đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch hàng năm do Hội đồng quản trị Công ty giao;
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực quản lý cơ sở vật chất, tài sản của Công ty;
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về công tác kế hoạch liên quan trong lĩnh vực quản lý hoạt động hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết của Công ty;
- Tổ chức thực hiện lập dự án đầu tư xây dựng của Công ty (không bao gồm đầu tư tài chính);
- Quản lý và giám sát công tác đầu tư xây dựng của Công ty và các đơn vị thành viên của Công ty;
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về lĩnh vực quản lý dự án, chủ trương đầu tư, quản lý hoạt động hợp tác liên doanh, liên kết đầu tư xây dựng của Công ty;
- Quản lý công tác đấu thầu, mua sắm tài sản, hàng hóa, trang thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư trong toàn Công ty; Quản lý và thẩm định các nội dung chính của các gói thầu do các phòng chức năng hoặc các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện, đảm bảo các gói thầu được triển khai, thực hiện đúng với các quy định của Nhà nước;
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty phân công.

Xưởng pha trộn hóa chất:

Xưởng pha trộn hóa chất (XPTHCH) là đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có chức năng triển khai thực hiện các công tác sau:

- Tổ chức thực hiện công tác pha trộn, tàng trữ, vận chuyển, giao nhận các sản phẩm hóa chất theo kế hoạch của Công ty theo quy định;
- Phối hợp cùng phòng Kinh doanh tiếp nhận kế hoạch hàng, điều động nhân lực và phương tiện thực hiện việc pha trộn, giao nhận đúng thời gian, đảm bảo về khối lượng theo thỏa thuận giữa Công ty và khách hàng;
- Kiểm tra quy trình pha trộn và tính toán khối lượng giao nhận chính xác, kiểm tra thiết bị của khách hàng đảm bảo an toàn đúng quy trình trong quá trình giao nhận;
- Xác nhận hồ sơ cần thiết theo quy định về giao nhận, xác nhận khối lượng, chất lượng và chuyển hồ sơ cho các Phòng có liên quan để làm cơ sở thanh toán;
- Tham gia xây dựng, quản lý và giám sát việc thực hiện định mức xăng dầu và vật

tư liên quan đến công tác vận hành;

- Quản lý toàn bộ nhân sự, vật tư tài sản, công cụ dụng cụ và phương tiện để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao;
- Đảm bảo an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ trong toàn Xưởng. Hướng dẫn khách tham quan, liên hệ công tác theo đúng quy định;
- Tổ chức kiểm tra công tác an toàn định kỳ, đột xuất tại Xưởng;
- Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch Bảo hộ lao động của Xưởng theo phân cấp của Công ty;
- Triển khai và kiểm tra tình hình thực hiện việc phân định trách nhiệm về công tác Bảo hộ lao động;
- Đề xuất kế hoạch và triển khai thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ, đột xuất máy móc, trang thiết bị của Xưởng đảm bảo an toàn và hoạt động hiệu quả;
- Định kỳ báo cáo Giám đốc Công ty tình hình hoạt động sản xuất của Xưởng;
- Phối hợp với các bộ phận liên quan và cơ quan chức năng, chính quyền địa phương lập và tổ chức diễn tập phương án phòng cháy chữa cháy theo định kỳ;
- Duy trì Hệ thống quản lý chất lượng tại Xưởng.
- Tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, Công ty, Công ty và địa phương sở tại về Công tác An toàn - Vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ và các lĩnh vực khác;
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty phân công.

Các Chi nhánh: Hiện tại, Công ty có bốn (04) Chi nhánh bao gồm: Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Lâm Đồng, Chi nhánh Tây Ninh và Chi nhánh Đắk Nông có chức năng, nhiệm vụ chính sau:

- Quản lý hệ thống tài sản, trang thiết bị và kho chứa của Công ty đầu tư và hệ thống kho chứa của Công ty thuê, quản lý và phân phối hàng hóa và sản phẩm của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách kinh doanh của Công ty đối với hệ thống các Đại lý, Cửa hàng của khách hàng Công ty;
- Giới thiệu sản phẩm, quảng bá thương hiệu của Tổng Công ty và Công ty;
- Phát triển thị trường, hỗ trợ các Đại lý và Cửa hàng của khách hàng Công ty trong công tác phát triển thị trường;
- Kinh doanh các ngành nghề đã đăng ký;
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty phân công.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông

Vốn cổ phần tính đến thời điểm 01/12/2014 là **125.000.000.000 đồng** được chia thành **12.500.000 cổ phần** với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tính đến thời điểm 01/12/2014, như sau:

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

Stt	Tên cổ đông	GCN ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty phân bón và hóa chất Dầu khí – Công ty cổ phần	0303165480	Số 43 Mạc Đĩnh Chi, P.ĐaKao, Q.1, Tp.HCM	9.375.000	75%
	Tổng cộng			9.375.000	75%

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Khi chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty TNHH chuyển sang công ty cổ phần, PVFCCo-SE không có cổ đông sáng lập.

3.3. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu vốn cổ phần tính đến thời điểm 01/12/2014

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	127	12.500.000	125.000.000.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	6	10.575.000	105.750.000.000	84,6%
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	0	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	121	1.925.000	19.250.000.000	15,4%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ		0	0	0
	Tổng cộng	127	12.500.000	125.000.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 01/12/2014

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của PVFCCo-SE, những công ty mà PVFCCo-SE đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với PVFCCo-SE

- Công ty mẹ của Công ty:

- **Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo)**

Trụ sở chính: 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

GCN ĐKKD:

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất đạm Urê, kinh doanh các loại phân bón, amoniác lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hoá chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hoá chất dầu khí.

Điện thoại: (08) 3825 6258

Fax: (08) 3825 6269

Website: www.dpm.vn

Vốn điều lệ: 3.800.000.000.000 đồng

Vốn góp tại PVFCCo-SE: 93.750.000.000 đồng, chiếm 75% vốn điều lệ thực

góp.

- Công ty con của Công ty: Không có

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Công ty có nhiệm vụ chủ yếu là phân phối phân Urê do nhà máy đạm Phú Mỹ cung cấp chiếm trên 55% doanh thu toàn Công ty, bên cạnh đó công ty đã chủ động kinh doanh hàng nhập khẩu nhằm đáp ứng nhu cầu phân bón trong vùng như phân SA, phân DAP, phân U rê Cà Mau...Ngoài ra từ năm 2009, Công ty đã mở rộng phát triển kinh doanh hóa chất phục vụ cho ngành công nghiệp dầu khí.

Chi tiết doanh thu thuần, lợi nhuận gộp từng nhóm hàng năm 2012, 2013 và 9 tháng năm 2014 sau đây:

Đơn vị tính : đồng

KHOẢN MỤC	NĂM 2012		NĂM 2013		9 tháng 2014		
	Số tiền	Tỷ trọng/DTT	Số tiền	Tỷ trọng/DTT	Số tiền	Tỷ trọng/DTT	
DOANH THU THUẦN							
I.	Phân bón	3.617.715.634.033	99,13%	3.230.630.156.669	96,83%	2.040.199.513.700	94,41%
1	Ure Phú Mỹ	1.991.431.715.050	54,57%	1.942.537.278.891	58,22%	1.253.114.521.623	57,99%
2	NPK	221.353.468.790	6,07%	394.245.108.476	11,82%	121.929.317.227	5,64%

KHOẢN MỤC		NĂM 2012		NĂM 2013		9 tháng 2014	
		Số tiền	Tỷ trọng/DTT	Số tiền	Tỷ trọng/DTT	Số tiền	Tỷ trọng/DTT
3	Kali	198.843.931.923	5,45%	108.263.021.555	3,24%	154.423.579.765	7,15%
4	SA	58.248.034.819	1,60%	194.709.884.805	5,84%	115.502.541.944	5,34%
5	Phân bón khác	1.147.838.483.451	31,45%	590.874.862.942	17,71%	395.229.553.141	18,29%
II.	Hóa chất	21.783.048.435	0,60%	99.041.528.657	2,97%	114.214.665.790	5,29%
III.	HDDV&khác:	9.950.375.746	0,27%	6.768.257.789	0,20%	6.632.929.835	0,31%
	TỔNG CỘNG	3.649.449.058.214	100%	3.336.439.943.115	100%	2.161.074.109.325	100%
LỢI NHUẬN GỘP							
I.	Phân bón	100.053.510.522	2,74%	101.455.815.194	3,04%	69.614.873.208	3,22%
1	Ure Phú Mỹ	80.709.253.032	2,21%	68.382.147.877	2,05%	58.371.481.006	2,70%
2	NPK	1.246.979.346	0,03%	15.112.819.180	0,45%	5.360.665.161	0,25%
3	Kali	1.870.865.252	0,05%	31.480.583	0,00%	578.756.513	0,03%
4	SA	(3.212.220.579)	-0,09%	6.690.499.808	0,20%	335.855.432	0,02%
5	Phân bón khác	19.438.633.471	0,53%	11.238.867.746	0,34%	4.968.115.096	0,23%
II.	Hóa chất	2.114.116.664	0,06%	15.687.157.741	0,47%	9.889.650.416	0,46%
III.	HDDV&khác:	1.029.452.706	0,03%	1.043.094.170	0,03%	1.488.923.361	0,07%
	TỔNG CỘNG	103.196.262.698	2,83%	118.186.067.105	3,54%	80.993.446.985	3,75%

Nguồn: PVFCCo-SE

Doanh thu thuần năm 2013 đã giảm so với năm 2012, cụ thể giảm 313 tỷ đồng, tương ứng giảm 8,58% so với năm 2012, do mảng kinh doanh từ phân Ure Phú Mỹ giảm nhẹ 2,46% và phân Kali lại giảm mạnh 45,55% so với năm 2012. Nguyên nhân giảm là do thị trường có nhiều biến động khó lường, giá các loại phân bón nói chung và Ure nói riêng liên tục giảm do nguồn cung trên thị trường tương đối dồi dào và sự xuất hiện, cạnh tranh giá thấp hơn của mặt hàng Đạm Cà mau và Ninh Bình tại thị trường khu vực. Ngoài ra, mảng kinh doanh phân bón khác cũng đã giảm đáng kể, cụ thể năm 2013 giảm 48,52% so với năm 2012.

Trong cơ cấu doanh thu thuần, thì doanh thu từ mảng kinh doanh phân bón chiếm phần lớn, đến 99% trong năm 2012, 97% trong năm 2013, và 94% trong 9 tháng đầu năm 2014. Trong đó, doanh thu từ tiêu thụ phân Ure Phú Mỹ chiếm trên 50% đến 60% tổng

doanh thu, tiếp đến là các loại phân bón khác. Mảng kinh doanh từ hóa chất và các dịch vụ khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu doanh thu thuần.

Mặc dù doanh thu thuần năm 2013 giảm so với năm 2012, nhưng lợi nhuận gộp của năm 2013 lại tăng 15 tỷ đồng, tương ứng 14,6% so với năm 2012. Nguyên nhân là do giá vốn hàng bán giảm nhiều hơn so với mức giảm của doanh thu thuần. Tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần tăng từ mức 2,83% năm 2012 lên mức 3,54% năm 2013. Nguyên nhân tăng là từ lợi nhuận gộp của phân NPK tăng 14 tỷ đồng, tương ứng tăng 1.112% so với năm 2012 và lợi nhuận gộp của phân SA tăng 9,9 tỷ đồng, tương ứng tăng 308% so với năm 2012.

Ngoài ra, mảng kinh doanh từ hóa chất cũng đã tăng đáng kể trong năm 2013, cụ thể doanh thu tăng 354% nhưng lợi nhuận gộp tăng 643%. Kết quả của mảng hóa chất tăng nguyên nhân do trong năm 2012 chủ yếu thực hiện kinh doanh sản lượng hóa chất cơ bản, nhưng sang năm 2013 ngoài hóa chất cơ bản Công ty đã thực hiện thêm hóa chất cho khai thác dầu khí cung cấp cho các Công ty lớn do Công ty trực tiếp pha trộn, chính sản phẩm này phần lớn đã đem lại nguồn lợi nhuận lớn cho Công ty.

5.2. Nguyên vật liệu

Là doanh nghiệp thương mại chuyên phân phối các sản phẩm phân bón và hóa chất công nghiệp nên đầu vào của Công ty là hàng hóa thành phẩm được cung cấp bởi các nhà máy sản xuất phân bón và hóa chất cụ thể như sau:

5.2.1. Nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn hàng phân bón

Nguồn hàng chủ yếu được cung cấp bởi Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP gồm phân Urê do nhà máy Đạm Phú Mỹ sản xuất và một số loại phân bón khác. Ngoài ra để đáp ứng nhu cầu phân bón khi nguồn phân bón trong nước thiếu hụt Công ty được Tổng Công ty phân phối hàng nhập khẩu thông qua đơn vị có chức năng nhập khẩu phân bón trực thuộc Tổng Công ty. Bên cạnh đó Công ty mua hàng từ một số nhà máy và công ty nhập khẩu khác như Công ty TNHH MTV Đạm Cà mau (Urê CM), Công ty TNHH Nông sản Long Hải (SA, DAP).

Nguồn hóa chất :

Các sản phẩm hóa chất chủ yếu phục vụ cho ngành công nghiệp dầu khí được Công ty nhập khẩu trực tiếp từ Công ty Baker Hughes và một số Công ty trong nước Công ty TNHH Thuận Phong, Công ty Super Photphat Long Thành.

5.2.2. Sự ổn định của các nguồn cung cấp:

Với tiền thân là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP nên Công ty được độc quyền phân phối hàng hóa từ Tổng Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu phân Urê trong khu vực Đông Nam Bộ. Mặc khác, Công ty được cung cấp từ đơn vị chuyên nhập khẩu phân bón do Tổng Công ty điều phối để da dạng hóa sản phẩm NPK, SA, Kali mang thương hiệu Phú Mỹ.

5.2.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới Doanh thu và lợi nhuận

Là đơn vị thương mại hoạt động chủ yếu là kinh doanh phân bón do vậy sự biến động giá cả trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến giá bán của Công ty tác động trực tiếp đến doanh thu của Công ty. Tuy nhiên, đối với phân bón U rê Phú Mỹ, do Công ty có ưu thế về nguồn cung từ Tổng Công ty và chính sách giá cả ổn định hơn các mặt hàng tự doanh (phân bón NPK, Kali, và SA) nên rủi ro biến động giá đầu của phân bón U rê Phú Mỹ đối với doanh thu, lợi nhuận là thấp hơn so với hàng tự doanh..

5.3. Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các khoản mục chi phí so với tổng chi phí hoạt động kinh doanh của PVFCCo-SE

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2012	Năm 2013	9T/2014
1	Giá vốn hàng bán	3.546.253	3.218.254	2.080.081
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>97,17%</i>	<i>96,46%</i>	<i>96,25%</i>
2	Chi phí tài chính	98	1.875	622
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>0,003%</i>	<i>0,06%</i>	<i>0,03%</i>
3	Chi phí bán hàng	32.516	41.572	27.544
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>0,89%</i>	<i>1,25%</i>	<i>1,27%</i>
4	Chi phí quản lý	31.469	33.183	24.432
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>0,86%</i>	<i>0,99%</i>	<i>1,13%</i>
TỔNG CỘNG		3.610.336	3.294.884	2.132.679
	<i>Tỷ trọng % so với DTT</i>	<i>98,92%</i>	<i>98,75%</i>	<i>98,68%</i>

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, và Quý 3 năm 2014

PVFCCo SE là doanh nghiệp chuyên bán buôn các sản phẩm phân bón và đồng thời là đơn vị phân phối phân bón trực thuộc Tổng Công ty thực hiện nhiệm vụ bình ổn giá thị trường do vậy tỷ lệ giá vốn luôn chiếm tỷ lệ cao, chiếm trên 96% doanh thu. Tuy nhiên, tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần đã có xu hướng giảm dần qua các năm từ 97,17% năm 2012 xuống 96,46% năm 2013 và 96,25% trong 9 tháng đầu năm 2014.

Nguyên nhân là do Công ty luôn chú trọng đến việc kiểm soát chi phí sản xuất nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông, tạo sự phát triển bền vững cho Công ty bên cạnh nhiệm vụ mở rộng phát triển thị trường và chịu sự điều chỉnh của chính sách Nhà Nước về chính sách bình ổn giá phân bón trong nước. Mặt khác hàng hóa được lấy từ kho của Tổng Công ty/Công ty với hệ thống kho bãi phủ đều các vùng cây trồng trọng điểm sau

khi có đơn đặt hàng đã giúp công ty giảm được chi phí lưu kho bãi và nhu cầu vốn đầu tư hàng tồn kho.

5.4. Trình độ công nghệ

Là đơn vị phân phối hàng hóa do vậy việc đầu tư của công ty tập trung vào việc phát triển hệ thống kênh phân phối và hệ thống kho bãi tồn trữ hàng. Với ưu thế là đơn vị có tiền thân trực thuộc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP nhờ vậy sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần Công ty vẫn được sự hỗ trợ từ Tổng Công ty trong việc nhận hàng tại các kho đầu mối của Tổng Công ty. Đến nay Công ty đã phát triển được 04 chi nhánh bán hàng kết hợp với đầu tư kho tại các tỉnh Lâm Đồng, Đồng Nai, Đaknông nhằm kịp thời cung cấp hàng hóa cho nhu cầu của khu vực ở các tỉnh nói trên và các tỉnh lân cận. Ngoài ra Tổng Công ty cũng có hệ thống kho tại Long An, Bình Phước, Ninh Thuận để sẵn sàng cung cấp hàng cho Công ty khi có nhu cầu.

5.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Thời gian qua PVFCCo SE tập trung nghiên cứu các sản phẩm phân bón hữu cơ phục vụ nền nông nghiệp bền vững. Trong các năm qua, PVFCCo SE đã phối hợp cùng các PGS.TS đầu ngành, các viện nghiên cứu đưa ra các công thức phân bón phù hợp với cây trồng và thổ nhưỡng vùng Đông Nam Bộ. PVFCCo SE cũng đã chọn 06 công thức và tiến hành khảo nghiệm đánh giá kết quả để đưa vào sản xuất kinh doanh. Dự kiến trong năm 2015 sẽ có 06 công thức hữu cơ khoáng và hữu cơ vi sinh được công bố hợp quy. Ngoài ra, PVFCCo SE cũng hợp tác cùng các đối tác ở các quốc gia có nền nông nghiệp hữu cơ hiện đại. Trong năm 2014, PVFCCo SE đã cùng công ty EVL – Canada tổ chức thử nghiệm sản phẩm Ure Phú Mỹ, NPK Phú Mỹ bọc vi sinh công nghệ mới đã cho kết quả khá tốt giúp tăng năng suất cây trồng từ 4-18%, Công ty đang nghiên cứu triển khai phương án thương mại hóa cho sản phẩm này. Trong thời gian tới PVFCCo SE sẽ tiếp tục phối hợp cùng các Công ty sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ Nhật, Hà Lan... nghiên cứu phát triển các sản phẩm phân hữu cơ vi sinh chất lượng cao phù hợp với cây trồng thổ nhưỡng vùng Đông Nam bộ.

5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

5.6.1. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO nên chất lượng sản phẩm của Công ty được đảm bảo, và được khách hàng tin cậy. Mặc dù hiện nay trên thị trường có nhiều loại phân bón giả, kém chất lượng có thể ảnh hưởng đến uy tín về sản phẩm của Công ty, tuy nhiên, đối với những khách hàng và đại lý lâu năm thì họ vẫn tin dùng sản phẩm của Công ty.

5.6.2. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

Là một đơn vị thuần túy về thương mại, Công ty luôn chú trọng đến khâu kiểm soát chặt chẽ về chất lượng hàng hóa đầu vào. Đối với các sản phẩm hàng hóa được Tổng Công ty sản xuất và cung cấp như Ure Phú Mỹ thì luôn có một bộ phận chuyên môn tại Nhà máy

thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát về chất lượng rất chặt chẽ trước khi xuất hàng ra khỏi Nhà máy.

Đối với các hàng hóa nhập khẩu, Công ty luôn chọn các đơn vị có năng lực và uy tín trong nước cũng như trên thị trường quốc tế, hàng hóa nhập khẩu về được thực hiện theo đúng quy trình, kiểm tra chất lượng phải luôn đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Nhà nước trước khi bán hàng hóa ra ngoài thị trường.

Đặc biệt đối với các sản phẩm hàng hóa là hóa chất Công ty luôn chú trọng đến chất lượng, đảm bảo an toàn trong công tác vận chuyển cũng như bảo quản. Hàng hóa giao cho khách hàng luôn đảm bảo đúng chất lượng theo như cam kết.

Bên cạnh đó, các khâu về dịch vụ như kho vận, bao bì, bảo hiểm... Công ty luôn có các đối tác liên kết với chất lượng dịch vụ tốt và uy tín. Công ty đã xây dựng hoàn thiện hệ thống kho trung chuyển tại các khu vực trọng điểm Lâm Đồng, Đồng Nai, Đắk Nông nhằm kịp thời cung cấp hàng hóa cho nhu cầu của khu vực ở các tỉnh nói trên và các tỉnh lân cận. Ngoài ra Tổng Công ty cũng có hệ thống kho tại Long An, Bình Phước, Ninh Thuận để sẵn sàng cung cấp hàng cho Công ty khi có nhu cầu.

5.7. Hoạt động Marketing

Công ty tiêu thụ sản phẩm phân bón trên thị trường khu vực Đông Nam Bộ gồm 11 tỉnh thành sau: Tp. Hồ Chí Minh, Long An, Tây Ninh, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Thuận, Ninh Thuận. Công ty đã đáp ứng cho thị trường này khoảng hơn 60% nhu cầu về phân Urê, 8% nhu cầu về phân NPK. Công ty phấn đấu trở thành đơn vị phân phối chuyên nghiệp và có uy tín cao trong khu vực với mục tiêu duy trì thị phần tối thiểu 26% nhu cầu thị phần phân bón khu vực.

Đối với mặt hàng hóa chất, thị trường hiện nay gồm các tỉnh thuộc khu vực Đông Nam Bộ và Quảng Ngãi mà chủ yếu là cung cấp hóa chất cho nhà máy Đạm Phú Mỹ và Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Công ty đã xây dựng hệ thống kênh phân phối chuyên nghiệp với 04 chi nhánh tại Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh và 20 đại lý, hơn 612 cửa hàng phủ khắp 11 tỉnh khu vực Đông Nam Bộ đáp ứng kịp thời, ổn định và đảm bảo chất lượng với giá cả hợp lý đến người tiêu dùng. Bên cạnh việc đầu tư mở rộng hệ thống phân phối, cửa hàng kết hợp kho chứa công ty luôn chú trọng nâng cao năng lực và phát triển đội ngũ bán hàng đến từng khu vực và đồng thời kết hợp xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường nhằm cung cấp giải pháp sử dụng phân bón hiệu quả, an toàn với môi trường cho các cây trồng chủ lực ở khu vực Đông Nam Bộ từng bước nâng cao uy tín của PVFCCo SE trên thị trường.

Đồng thời với ưu thế là đơn vị phân phối hàng của Tổng Công ty, Sản phẩm Công ty được mang thương hiệu phân bón Đạm Phú Mỹ đã tạo lập được chỗ đứng vững chắc trên thị trường phân bón trong nước.

Ngoài ra để quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế của Công ty trong tiềm thức của người tiêu thụ, công ty kết hợp quảng bá hình ảnh và thương hiệu của mình thông qua các hoạt

động quảng cáo khuyến mãi dựa trên nền tảng thương hiệu Tổng Công ty với đặc thù riêng cho PVFCCo SE, tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, tổ chức các hội thảo với khách hàng hàng năm nhằm duy trì và tạo mối quan hệ sâu rộng khách hàng công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng không ngừng hoàn thiện và phát triển trang web riêng như là một kênh thông tin chính thức đến các đối tác và cổ đông của Công ty.

5.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Biểu tượng logo của Công ty :



- Website của Công ty : www.pse.vn

5.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Một số hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết đến thời điểm hiện nay

	Đối tác ký HĐ	Nội dung HĐ	Giá trị (đồng)	Thời gian ký HĐ
1	Hoang Long Hoan Vu JOC	Hóa chất khoan & Dung dịch khoan dầu khí	89.751.900.000	20/12/2013
2	Lam Son JOC	Hóa[NDTN1] chất khoan & Dung dịch khoan dầu khí	23.770.110.000	26/02/2014
3	Cty TNHH 1TV TM&DV Minh Dũng	Bán Ure Phú Mỹ loại 1	20.064.000.000	18/03/2014
4	Bien Dong POC	Hóa chất khoan & Dung dịch khoan dầu khí	35.233.041.060	01/04/2014
5	Thang Long JOC	Hóa chất khoan & Dung dịch khoan dầu khí	34.869.261.000	10/05/2014
6	Cty CP Phân bón Miền Nam	Bán DAP	22.732.888.300	28/05/2014
7	Cty TNHH TM DV Phân bón Tuấn Vũ	Bán Ure Phú Mỹ loại 2		02/06/2014

	Đối tác ký HĐ	Nội dung HĐ	Giá trị (đồng)	Thời gian ký HĐ
			25.080.000.000	
8	Cty TNHH 1TV TM&DV Minh Dũng	Bán SA	26.000.000.000	19/08/2014
9	Cty CP Phân bón Bình Điền	Bán DAP	71.491.500.000	08/09/2014
10	Cty TNHH 1TV Tường Phúc	Bán Ure Phú Mỹ loại 1	23.400.000.000	10/09/2014
11	Công ty TNHH một thành viên TM&DV Minh Dũng	Bán Ure Phú Mỹ loại 1	20.064.000.000	18/3/2014
12	Cty TNHH MTV TM XNK Tường Phúc	Bán Ure Phú Mỹ loại 1	23.400.000.000	10/09/2014
13	Cty TNHH MTV TM XNK Tường Phúc	Bán Ure Phú Mỹ loại 1	23.400.000.000	15/10/2014
14	Công Ty CP Phân Bón Miền Nam	DAP Xanh Trung Quốc	22.732.888.300	28/05/2014
15	Cty CP Phân Bón Bình Điền	DAP Trung Quốc	25.099.020.375	08/09/2014
	Tổng cộng		487.088.609.035	

Nguồn: PVFCCo- SE

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD của Công ty trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm	9T/2014
1	Tổng giá trị tài sản	324.175	341.995	5,50%	346.866
2	Vốn chủ sở hữu	156.715	159.287	1,64%	165.790
3	Vốn điều lệ	125.000	125.000	-	125.000
4	Doanh thu thuần	3.649.449	3.336.440	-8,58%	2.161.074
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	50.015	42.486	-15,05%	28.673
6	Lợi nhuận khác	47	(105)	-322,79%	77
7	Lợi nhuận trước thuế	50.062	42.381	-15,34%	28.750
8	Lợi nhuận sau thuế	40.376	31.409	-22,21%	22.356
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	55,73%	71,64%		
10	Tỷ lệ LNST/vốn CSH	27,24%	19,88%		

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, và BCTC 9T/2014

Qua một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh nêu trên, có thể nhận thấy hoạt động kinh doanh của công ty năm 2013 đã giảm sút so với năm 2012, cụ thể doanh thu thuần giảm 8,58%, lợi nhuận gộp tăng 14,6% nhưng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm 15,05%, lợi nhuận trước thuế giảm 15,34% và lợi nhuận sau thuế giảm 22,21% so với năm 2012. Lợi nhuận gộp tăng do giá vốn hàng bán giảm nhiều hơn so với mức giảm của doanh thu thuần (Doanh thu thuần giảm 313 tỷ đồng trong khi giá vốn hàng bán giảm xấp xỉ 328 tỷ); Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận trước và sau thuế giảm là do một số nguyên nhân sau:

Năm 2012, công ty có doanh thu tài chính 10,9 tỷ đồng thể hiện khoản thu lãi tiền gửi tại các ngân hàng trong năm tài chính và chi phí lãi vay là rất nhỏ, chỉ hơn 98 triệu đồng làm tăng đáng kể lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Năm 2013, doanh thu tài chính giảm mạnh, đạt hơn 929 triệu và chi phí tài chính là 1,87 tỷ đồng tăng gấp 2 lần chi phí năm 2012 do phát sinh khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân đội dưới hình thức tín chấp để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay này đáo hạn vào ngày 18/01/2014. Ngoài ra, chi phí bán hàng tăng khoảng 9 tỷ đồng là do phát sinh thêm chi phí vận chuyển cho hàng tự doanh, gồm phân bón NPK, SA, và Kali.

Mặc dù hoạt động kinh doanh có phần giảm sút tuy nhiên Công ty vẫn luôn duy trì được tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ở mức cao, đạt 27,24% trong năm 2012 và 19,88% trong năm 2013.

Kết quả kinh doanh trong 9 tháng năm 2014 công ty đạt được những kết quả khả quan: doanh thu thuần trong 9 tháng là 2.161 tỷ đồng, đạt 73% kế hoạch cả năm 2014; lợi nhuận sau thuế trong 9 tháng là 22 tỷ đồng, đạt 75% kế hoạch cả năm 2014.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2013

6.2.1. Những nhân tố thuận lợi:

- Là công ty con của Tổng Công ty Phân bón hóa chất Dầu khí – CTCP, Công ty được mang logo ngọn lửa của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và phân phối các sản phẩm thương hiệu phân bón Phú Mỹ đã tạo lập được chỗ đứng vững chắc trên thị trường phân bón trong nước và luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của Tổng Công ty.
- Nguồn hàng được cung cấp chủ yếu từ Tổng Công ty luôn đảm bảo về chất lượng và ổn định. Hàng hóa được phân phối từ kho của Tổng Công ty với hệ thống kho bãi phủ đều các vùng cây trồng trọng điểm.
- Công ty đã đầu tư xây dựng và đang sở hữu Hệ thống kho bãi tại các khu vực trọng điểm kết hợp với hệ thống phân phối hơn 20 đại lý cấp 1 và hơn 600 cửa hàng trải rộng khắp khu vực Đông Nam Bộ đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.
- Công ty được giao khai thác thị trường phân bón khu vực Đông Nam Bộ là vùng cây trồng trọng điểm của cả nước về sản xuất nông nghiệp với diện tích đất nông nghiệp chiếm 25,6% diện tích đất nông nghiệp của cả nước, trong đó diện tích đất trồng cây lâu năm chiếm 43,1% diện tích đất trồng cây lâu năm của cả nước. Là khu vực được thiên nhiên ưu đãi thuận lợi cho việc phát triển cây nông nghiệp với cơ cấu cây trồng chủ yếu là cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, là những cây có nhu cầu lớn và chủ yếu về phân Urê, NPK, Kali, SA ...: Tổng nhu cầu phân bón năm 2013 của cả khu vực khoảng 1,5 triệu tấn, trong đó PVFCCo- SE chiếm hơn 25% thị phần.
- Lượng Urê Phú Mỹ chiếm khoảng 60-70% thị phần urê khu vực.
- Đang vận hành Xưởng hóa phẩm dầu khí cung cấp các sản phẩm hóa chất phục vụ ngành công nghiệp thăm dò khai thác dầu khí tại Việt Nam.
- Áp dụng mô hình quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008.

6.2.2. Những nhân tố khó khăn:

- Thị trường urê từ trạng thái cầu lớn hơn cung trước năm 2013 đã chuyển sang trạng thái nguồn cung lớn hơn nhu cầu dẫn đến thị trường cạnh tranh gay gắt, đặc biệt cạnh tranh về giá. Địa bàn Đông Nam Bộ là trung tâm tập trung các nguồn hàng trong nước và nhập khẩu do đó mức độ cạnh tranh càng gay gắt hơn.
- Địa bàn phân phối rộng nhưng nhân viên thị trường mỏng nên gặp nhiều khó khăn

trong công tác quản lý, giám sát hệ thống phân phối và thu thập thông tin thị trường.

- Mùa khô khu vực Đông Nam Bộ thường kéo dài, có khi tới 4 tháng (từ cuối tháng 11 đến hết tháng 3), dẫn đến tình trạng thiếu nước cho cây trồng, cho sinh hoạt của dân cư và cho công nghiệp (đặc biệt là nước trong các hồ thủy điện).
- Thị trường phân bón trong nước và thế giới trong thời gian qua diễn biến không thuận lợi, giá bán trong xu thế giảm, theo đánh giá thời gian tới giá phân bón tiếp tục đi ngang khó có khả năng tăng đột biến.
- Xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực gặp nhiều khó khăn, giá các loại nông sản không được như kỳ vọng của bà con nông dân, lợi nhuận thấp, nên bà con nông dân hạn chế đầu tư dẫn đến nhu cầu phân bón giảm.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Thị trường khai thác chính của PVFCCo là khu vực Đông Nam Bộ, đây là vùng cây trồng trọng điểm của cả nước về sản xuất nông nghiệp với diện tích đất nông nghiệp chiếm 25,6% diện tích đất nông nghiệp của cả nước, trong đó diện tích đất trồng cây lâu năm chiếm 43,1% diện tích đất trồng cây lâu năm của cả nước. Là khu vực được thiên nhiên ưu đãi thuận lợi cho việc phát triển cây nông nghiệp với cơ cấu cây trồng chủ yếu là cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, là những cây có nhu cầu lớn và chủ yếu về phân Urê, NPK, Kali, SA ... Thị trường tiêu thụ phân bón Phú Mỹ chiếm 60-70% thị phần phân bón trong khu vực, trong đó Ure Phú Mỹ chiếm 62,17% tổng số các mặt hàng Ure.

Với ưu thế có tiền thân là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí – CTCP, đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Công ty được sử dụng thương hiệu của Tập đoàn và Tổng Công ty trong hoạt động của mình nhờ đó việc xây dựng thương hiệu riêng cho PVFCCo tại Đông Nam Bộ có nhiều thuận lợi. Mặc khác sản phẩm của Công ty phân phối được mang thương hiệu phân bón Phú Mỹ đã tạo được chỗ đứng vững chắc trên thị trường phân bón tại Việt Nam và khu vực lân cận. Đó là tiền đề vững chắc cho Công ty hướng đến mục tiêu phát triển PVFCCo-SE trở thành doanh nghiệp phân phối mạnh, hàng đầu tại khu vực Đông Nam Bộ về kinh doanh phân bón và hóa chất phục vụ ngành công nghiệp dầu khí.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong thời kỳ cả ngành kinh tế đều bị ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế, các doanh nghiệp sản xuất khác thu hẹp hoạt động kinh doanh, người tiêu dùng cắt giảm chi tiêu, thì mức tiêu thụ phân bón đều được duy trì do phân bón là thiết yếu cho sự tăng trưởng của cây trồng. Tuy nhiên, do xu hướng giảm giá phân bón trên thế giới cũng như xu hướng tăng giá nguyên liệu sản xuất đầu vào đã làm tăng trưởng doanh thu của ngành chững lại. Tăng trưởng doanh thu trung bình trong 4 năm qua là 17,79% và dự kiến sẽ giảm xuống còn 13,8% trong năm (5) năm tiếp theo.

Trong năm 2013, sản xuất trong ngành đã đáp ứng đủ nhu cầu phân đạm trong nước, và các doanh nghiệp trong ngành đang tìm kiếm cơ hội để xuất khẩu phân bón ra nước ngoài. Lượng phân bón xuất khẩu đã tăng lên từ 0,4 triệu tấn trong năm 2009 lên 1,35 triệu tấn vào năm 2012. Điều này đồng nghĩa với xu hướng nhập khẩu phân bón đang có chiều hướng giảm xuống.

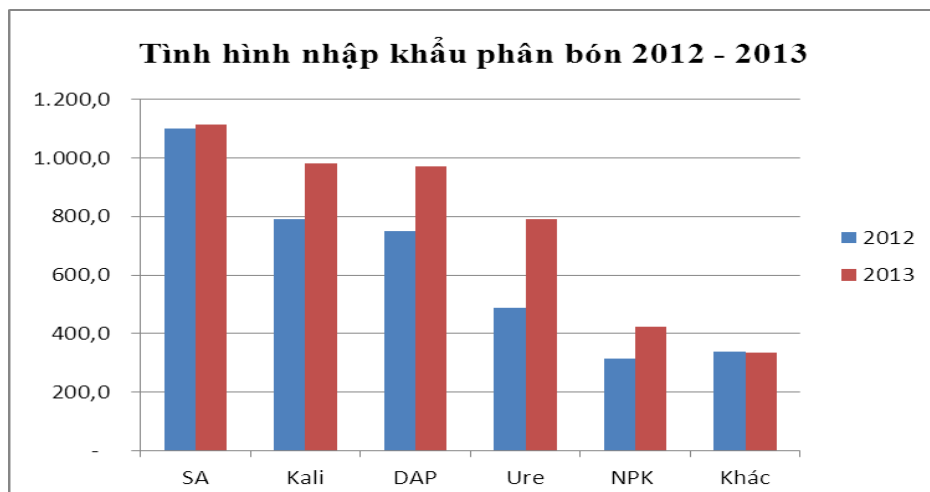
Từ nay cho đến năm 2018, ngành phân bón dự kiến sẽ có những tín hiệu tích cực trong tình hình hoạt động kinh doanh và phát triển. Tuy nhiên, lợi nhuận của ngành sẽ tăng trưởng với tốc độ chậm hơn trong bốn (4) năm qua, nguyên nhân là do việc thừa nguồn cung về phân đạm và phốt pho sẽ làm giảm giá các mặt hàng này. Dự kiến mức tăng trưởng lợi nhuận của ngành là 15,8%, giảm nhiều so với mức tăng trưởng trung bình 30% trong bốn năm vừa qua.

7.2.1. Triển vọng phát triển của thị trường phân bón

Năm 2014 tiếp tục là năm không thuận lợi cho các doanh nghiệp trong ngành phân bón khi cán cân cung cầu dần ở vị thế cân bằng.

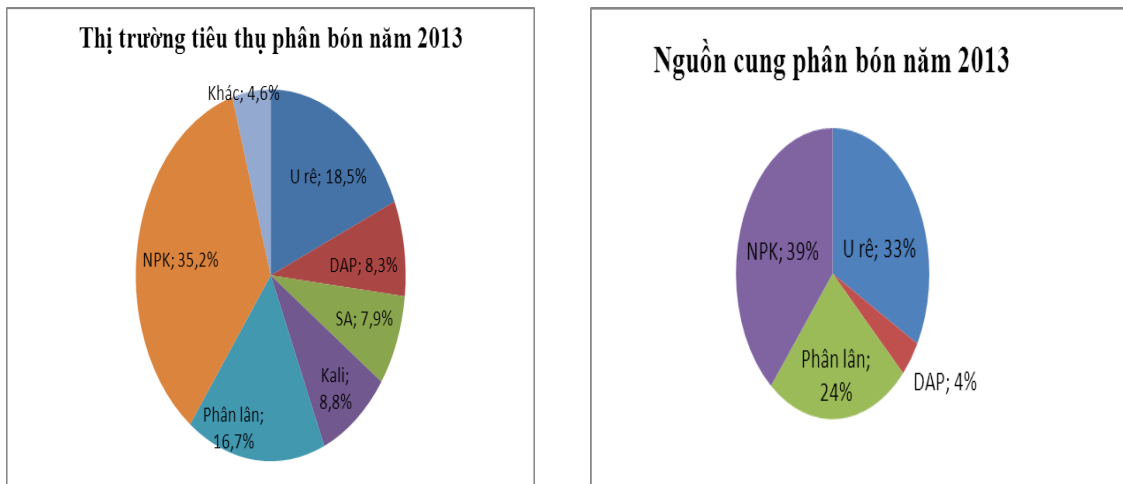
Theo Bộ NN & PTNN, nhu cầu phân bón ở Việt Nam hiện nay vào khoảng trên 10,8 triệu tấn các loại. Trong đó, Urea khoảng 2 triệu tấn, DAP khoảng 900.000 tấn, SA 850.000 tấn, Kali 950.000 tấn, Phân lân trên 1,8 triệu tấn, phân NPK khoảng 3,8 triệu tấn, ngoài ra nhu cầu khoảng 400-500.000 tấn phân bón các loại là vi sinh, phân bón lá.

Tổng nguồn cung phân bón cho Việt Nam vào khoảng 6,3 triệu tấn, đạt công suất 87,5% công suất thiết kế của các nhà máy tại Việt Nam, và đáp ứng được 58% nhu cầu. Chính vì vậy Việt Nam phải nhập khẩu gần 4,6 triệu tấn, chủ yếu là từ Trung Quốc. Hiện nay có khoảng 500 doanh nghiệp trong ngành phân bón, với hơn 30.000 đại lý và các điểm bán hàng trên toàn quốc. Nhập khẩu phân bón trong năm 2013 đạt khoảng 4,62 triệu tấn, tăng 22,07% so với năm 2012.



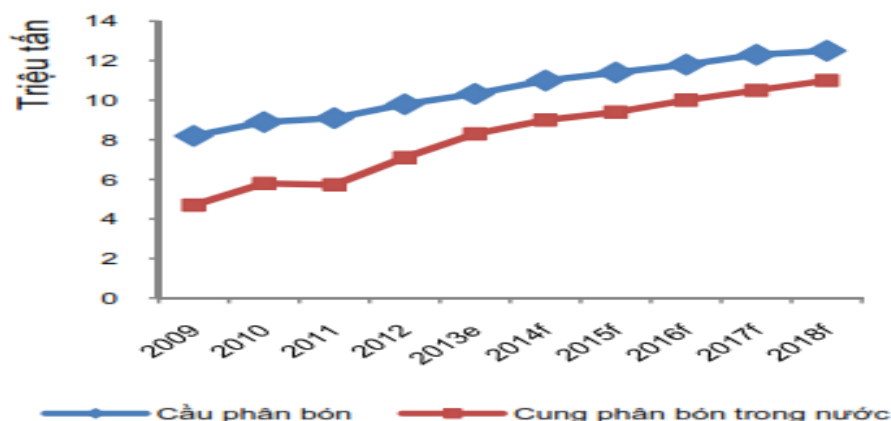
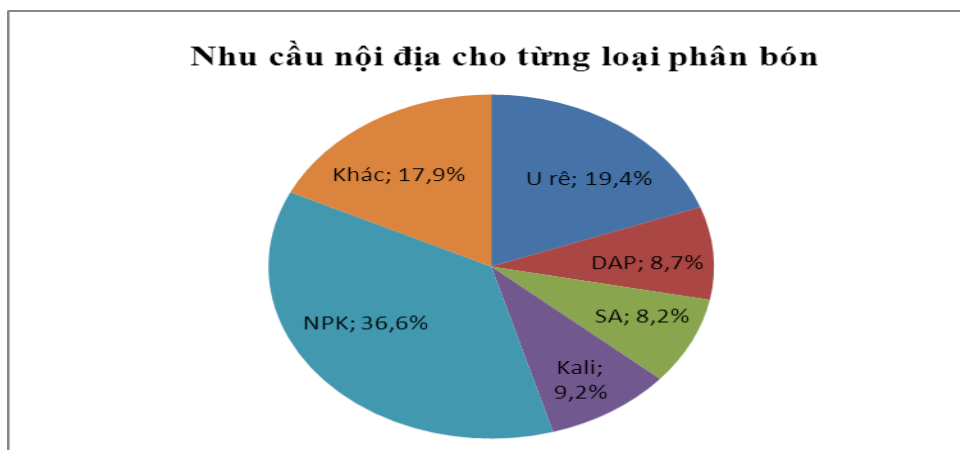
Về xuất khẩu, phân bón năm 2013 đạt 1,08 triệu tấn, giảm 14,4% về lượng và giảm 23,2% về kim ngạch so với cả năm 2012. Về nhập khẩu, Việt Nam sẽ có những chính sách nhằm hạn chế lượng phân bón “thảm thấu” qua các cửa khẩu, đường biên tại Trung

Quốc - Việt Nam. (Nguồn: Agromonitor).



7.2.2. Triển vọng phát triển thị trường phân bón nội địa

Mặc dù giai đoạn suy thoái kinh tế vừa qua, hoạt động kinh doanh của hầu hết các ngành sản xuất khác bị giảm sút thì ngành phân bón vẫn có được sự tăng trưởng trong doanh thu. Ngành phân bón nội địa vẫn tăng trưởng ổn định do sự duy trì mức tăng của nhu cầu và sự tăng lên của diện tích canh tác. Từ năm 2013, các doanh nghiệp phân bón đang tìm kiếm cơ hội để xuất khẩu phân bón ra nước ngoài, trước tiên là các nước Đông Dương, tạo nền tảng cho phân bón nhập khẩu phải tăng từ 0.4 triệu tấn năm 2009 lên 2.9 triệu tấn năm 2013.



Nguồn: Agromonitor

7.2.3. Triển vọng phát triển của thị trường phân bón tại khu vực Đông Nam Bộ

Đông Nam Bộ có vị trí địa lý rất thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội và nông nghiệp. Vùng này nằm kề với đồng bằng sông Cửu Long – vùng lương thực, thực phẩm lớn nhất cả nước, giao lưu thuận tiện nhờ có mạng lưới kênh rạch và hệ thống đường bộ và dễ dàng giao lưu với Campuchia, với vùng Nam Tây Nguyên; bằng đường bộ và đường sắt xuyên Việt có thể liên hệ với các tỉnh khác trong cả nước, nhất là duyên hải Nam Trung Bộ, đặc biệt với cụm cảng Sài Gòn và Vũng Tàu tạo cửa ngõ cho vùng mở ra với nước ngoài thuận lợi.

Đông Nam Bộ là khu vực đứng thứ 2 cả nước về diện tích cây lương thực sau khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long, và là khu vực tập trung các loại cây trồng lâu năm có giá trị cao như Café, Hồ Tiêu, Điều... có nhu cầu phân bón ổn định, với giá trị sản xuất nông nghiệp đang tăng dần so với các vùng miền và là vùng có tốc độ tăng trưởng cao nhất cả nước.

Khó khăn của vùng là mùa khô ở đây kéo dài, có khi tới 4 tháng (từ cuối tháng 11 đến hết tháng 3), dẫn đến tình trạng thiếu nước cho cây trồng, cho sinh hoạt của dân cư và cho công nghiệp (đặc biệt là nước trong các hồ thủy điện). Tuy nhiên đây là vùng được thiên nhiên ưu đãi khí hậu tương đối ôn hòa và đất đỏ bazan phì nhiêu phù hợp phát triển cây trồng lâu năm, cây công nghiệp, cây ăn quả và đặc biệt là vùng thuận lợi cho việc trồng bông.

Sản phẩm kinh doanh chủ yếu của PVFCCo SE trong hiện tại và tương lai vẫn là phân bón nên việc thay đổi trong quy hoạch sử dụng diện tích đất nông nghiệp mà trong đó diện tích trồng lúa và các loại cây lâu năm là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến kết quả kinh doanh của Công ty trong thời gian sắp tới.

7.2.4. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

So sánh kết quả kinh doanh của Công ty với một số công ty trong ngành năm 2013

Mã CP	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	Tổng tài sản (triệu đồng)	Doanh thu thuần (triệu đồng)	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	ROA	ROE
APP	39.639,6	54.434	78.779	144.455	8.503	11,25%	15,93%
HAI	173.999,91	387.452	687.631	919.158	46.307	0,94%	11,71%
HSI	100.000	54.539	581.802	518.600	(75.875)	-10,78%	-82,05%
NFC	104.875,51	204.178	263.232	735.370	40.451	12,07%	15,80%
LAS	778.320	1.404.574	2.782.902	4.768.477	446.820	14,57%	25,55%

Mã CP	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	Tổng tài sản (triệu đồng)	Doanh thu thuần (triệu đồng)	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	ROA	ROE
TSC	83.129,15	127.705	331.988	707.042	3.184	0,72%	2,5%
PSE	125.000	159.287	341.995	3.336.440	31.409	9,43%	19,88%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013 của các công ty)

• *Về kết quả hoạt động kinh doanh*

Tuy ngành phân bón trong năm vừa qua vẫn có tăng trưởng lợi nhuận, song mức tăng trưởng đã bị chậm lại, nguyên nhân là do Việt Nam đã dư cung phân bón từ việc thành lập nhà máy phân bón Cà Mau và nhà máy phân bón Ninh Bình trong năm 2012, với công suất lần lượt là 800.000 tấn và 560.000 tấn một năm. Thêm vào đó, xu hướng giá phân bón thế giới giảm, giá nguyên liệu đầu vào tăng lên cũng đã ảnh hưởng đáng kể đến các doanh nghiệp trong ngành phân bón.

So sánh với các doanh nghiệp khác cùng ngành, tuy giai đoạn vừa qua gặp nhiều khó khăn, song PVFCCo SE cũng đã duy trì được mức doanh thu, lợi nhuận khá cao, và đã tạo ra được suất sinh lợi trên vốn chủ (cụ thể 19,88% năm 2013) và trên tài sản (cụ thể là 9,43%) cao hơn nhiều doanh nghiệp khác cùng ngành.

• *Về năng lực quản lý điều hành*

Cổ đông lớn cũng là công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP đã có nhiều kinh nghiệm trong ngành phân bón cũng như trong quản lý, do đó, Công ty đã nhận được sự hỗ trợ quý báu về mặt tài chính, kinh nghiệm cũng như quản trị doanh nghiệp từ Công ty mẹ PVFCCo.

• *Về loại hình kinh doanh*

Ngoài kinh doanh phân bón, hiện nay Công ty đang ngày càng đẩy mạnh mảng kinh doanh hóa chất.

7.2.5. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Định hướng phát triển của Công ty:

- Xây dựng và phát triển PVFCCo SE trở thành doanh nghiệp phân phối mạnh, hàng đầu tại khu vực Đông Nam Bộ về kinh doanh phân bón với những chiến lược phát triển cụ thể như sau:
 - Cung cấp các sản phẩm phân bón và hóa chất đảm bảo chất lượng, ổn định, hiệu quả cho khách hàng tại khu vực Đông Nam Bộ, từng bước chiếm lĩnh thị trường phân bón trong khu vực, đặc biệt nâng thị phần phân bón chủ lực là Urê và NPK.
 - Đầu tư mở rộng hệ thống kênh phân phối, kho chứa rộng khắp các vùng, cây trồng đi kèm hướng đến tạo dựng được hệ thống phân phối chuyên nghiệp góp phần cung cấp

kip thời, ổn định, đảm bảo chất lượng với giá cả hợp lý đến người tiêu dùng.

- Chú trọng phát triển các giải pháp sử dụng phân bón hiệu quả và an toàn với môi trường trên cơ sở kết hợp chặt chẽ mối quan hệ giữa bốn nhà (nhà quản lý, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà nông) để giúp người nông dân (là những khách hàng quan trọng của công ty) ngày càng nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp so với việc sử dụng phân bón của các nhà cung cấp khác.
- Mặc khác phát triển kinh doanh một số hóa chất phục vụ ngành công nghiệp dầu khí và nông nghiệp nhằm tăng sản lượng, chất lượng và thị phần của Công ty trong thị trường này.

Định hướng phát triển ngành phân bón⁽¹⁾

- Hình thành hệ thống sản xuất phân bón với công nghệ hiện đại, quy mô lớn và hệ thống phân phối an toàn, hiệu quả nhằm cung ứng đủ về số lượng và chủng loại phân bón với chất lượng tốt, giá cả hợp lý, phục vụ sản xuất nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu trong bối cảnh diện tích canh tác ngày càng bị thu hẹp do biến đổi khí hậu, đô thị hóa và dân số tăng cao ... cụ thể:
 - Dần dần đáp ứng nhu cầu về phân đạm, phân lân, phân kali, các loại phân bón trung lượng và vi sinh;
 - Tổ chức hệ thống các cơ sở sản xuất phân hỗn hợp NPK hợp lý, có tổ chức với chất lượng tốt, giá thành hợp lý phù hợp yêu cầu của từng đối tượng cây trồng, từng vùng đất;
 - Bố trí hệ thống phân phối hợp lý, an toàn, đảm bảo cung ứng kịp thời các loại phân bón cho nông dân với giá cả hợp lý;
 - Đảm bảo thị trường phân bón trong nước ổn định, không có sản phẩm kém chất lượng, không gây hiện tượng sốt hàng hoặc đôn giá.

Đánh giá về sự phù hợp:

Như đã phân tích ở trên, ta thấy, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành trong thời gian tới.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 31/10/2014, tổng số lao động của Công ty là 68 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo phòng ban chức năng, giới tính, thời hạn hợp đồng lao động và trình độ chuyên môn được thể hiện trong bảng sau:

¹ Quy hoạch phát triển hệ thống sản xuất và hệ thống phân phối mặt hàng phân bón giai đoạn 2010-2020, có xét đến năm 2025

I.	Phân theo giới tính	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Nam	48	70,6%
	Nữ	20	29,4%
II.	Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	Số lượng (hợp đồng)	Tỷ lệ (%)
	Hợp đồng lao động không xác định	37	54,4%
	Hợp đồng lao động có thời hạn xác định 1-3 năm	29	42,7%
	Hợp đồng ngắn hạn dưới 01 năm	2	2,9%
III.	Phân theo trình độ chuyên môn	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Trên đại học	4	5,9%
	Đại học	56	82,3%
	Cao đẳng, trung cấp	4	5,9%
	Lao động phổ thông	4	5,9%
	TỔNG CỘNG	60	100%

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty đều được chú ý, tuyển chọn và đào tạo đảm bảo cho sự phát triển nguồn nhân lực lâu dài của Công ty. Công ty hiện đang sử dụng chủ yếu là lao động có trình độ đại học chiếm hơn 82% tổng số lao động.

8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp và các chính sách đãi ngộ khác

Với mục tiêu ngày càng nâng cao hiệu quả kinh doanh và đời sống cho người lao động, tạo động lực cho nhân viên không ngừng phấn đấu và gắn bó lâu dài với Công ty, PVFCCo SE đã đặt ra kế hoạch và chính sách đối với người lao động như sau:

- Bố trí, đào tạo, luân chuyển và phát triển nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Nâng cao năng suất, chất lượng lao động trong toàn Công ty, đảm bảo tốc độ tăng lao động thấp hơn tốc độ tăng doanh thu.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, quy trình, quy chế từ tuyển dụng - đào tạo - sử dụng - đánh giá - đãi ngộ phù hợp.
- Đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho CB.CNV, đặc biệt là đội ngũ kinh doanh và thị trường.
- Xây dựng, ban hành hệ thống tiêu chuẩn chức danh công việc, chính sách nhân viên và

chế độ lương, thưởng, đãi ngộ theo năng lực và hiệu quả công việc, đảm bảo cạnh tranh so với thị trường nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc và gắn bó lâu dài với Công ty.

- Đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động cạnh tranh với thị trường và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu cuộc sống của người lao động.
- Người lao động làm việc tại PVFCCo SE được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng luật định. Công ty ký hợp đồng mua bảo hiểm con người với Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí (PVI) cho CBCNV.
- Xây dựng tinh thần đoàn kết, tác phong chuyên nghiệp, tinh thần kỷ luật cao trong đội ngũ cán bộ - công nhân viên.
- Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại; khuyến khích cho cán bộ - công nhân viên học tập, nâng cao trình độ.
- Hàng năm công ty có tổ chức cho CBCNV đi tham quan, nghỉ mát.

9. Chính sách cổ tức

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động SXKD trong năm tài chính sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo.

Theo Nghị quyết số 19/NQ-ĐNB ngày 08/04/2014, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thống nhất thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2013 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện chi trả với tỷ lệ 18% bằng tiền mặt; thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 18%.

Tình hình chia cổ tức của Công ty qua các năm như sau:

Tình hình chi trả cổ tức

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012 (đồng)	Năm 2013 (đồng)
1	Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền	18%	18%

Nguồn: PVFCCo SE

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 20/NQ-ĐNB ngày 15/04/2013 thì Đại hội đồng cổ đông đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức/ vốn điều lệ của năm 2013 là 18%.

Theo đó, ngày 18/11/2013, PVFCCo SE đã thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 cho cổ đông với tỷ lệ 8% mệnh giá cổ phần theo Nghị quyết số 52/NQ-ĐNB ngày 22/10/2013 về việc tạm ứng chi trả cổ tức đợt 1 năm 2013 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ. Đến ngày 19/05/2014, PVFCCo SE đã tiếp tục chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013 cho cổ đông Công ty với mức 10% mệnh giá cổ phần theo Nghị quyết số 22/NQ-ĐNB ngày 18/04/2014 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ về việc thực hiện chi trả cổ tức đợt 02 năm 2013. Như vậy, đến thời điểm hiện tại, Công ty đã chi trả đầy đủ cổ tức năm 2013 cho cổ đông.

Ngày 17/11/2014, Công ty cũng đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 1 năm 2014 cho cổ đông của Công ty với tỷ lệ chi trả là 7% trên mệnh giá cổ phần theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 16/10/2014 về việc thực hiện tạm ứng chi trả cổ tức đợt 1 năm 2014 bằng tiền mặt của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006-TC/QĐ/CĐKT ngày 20/03/2006, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo.

10.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao TSCĐ của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được xác định theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Trường hợp tài sản cố định hữu

hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.

- TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể như sau:

Stt	Loại tài sản	Năm
I. TSCĐ hữu hình		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	10
2	Máy móc thiết bị	03
3	Phương tiện vận tải	06
4	Thiết bị văn phòng	03 – 08
II. TSCĐ vô hình		
1	Phần mềm máy tính	08
2	Quyền sử dụng đất	30 - 32

10.1.2. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2013 là 24,8 triệu đồng/ người/ tháng, với tổng số cán bộ công nhân viên là 68 người. Đây là mức thu nhập thuộc mức cao so với các doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng ngành như Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (11,5 triệu đồng/người/tháng), Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Miền Trung là 23,60 triệu đồng/người/tháng), Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Miền Bắc là 24,60 triệu đồng/người/tháng).

10.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản công nợ như: ngân hàng, khách hàng,... luôn được Công ty quan tâm thanh toán đúng và đủ theo hợp đồng đã ký kết.

10.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp theo luật định như: các loại thuế, phí và lệ phí, ... luôn được Công ty thực hiện tốt, hoàn thành nghĩa vụ của mình.

10.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ qua các năm như sau:

Dvt: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
-----	-----------	------------	------------	------------

Stt	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
1	Quỹ dự phòng tài chính	3.401	4.974	6.092
2	Quỹ đầu tư phát triển	6.803	6.803	6.803
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.158	2.368	2.570
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.511	22.510	27.895
	Tổng Cộng	33.873	36.655	43.360

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, và BCTC Quý 3/2014

10.1.6. Tổng dư nợ vay

Từ khi thành lập đến năm 2012, Công ty không cần vay vốn từ các ngân hàng hay các tổ chức tín dụng, mà chỉ sử dụng vốn tự có để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, đến năm 2013, do nhu cầu mở rộng kinh doanh, nên Công ty đã vay vốn ngắn hạn, dư nợ vay ngắn hạn của công ty tại ngày 31/12/2013 là 24.451.644.935 đồng. Đây là khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân đội dưới hình thức tín chấp. Khoản vay này được giải ngân bằng đồng Việt Nam với hạn mức là 100.000.000.000 đồng, với lãi suất cố định 6%/năm và đã đáo hạn vào ngày 18/01/2014. Đến 30/09/2014, Công ty không còn khoản vay nào.

10.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012, 2013 và 9T/2014

➤ Các khoản phải thu:

Đvt: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
1	Phải thu của khách hàng	8.041	65.531	100.342
2	Trả trước cho người bán	59.776	30.659	9.523
3	Các khoản phải thu khác	593	-	39
	Tổng Cộng	68.410	96.190	109.904

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013, và BCTC 9T/2014

Với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp phân phối phân bón là khách hàng phải ứng tiền trước khi nhận hàng do vậy các khoản trả trước cho người bán chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số nợ phải thu của Công ty.

Tại ngày 31/12/2013, khoản phải thu khách hàng chiếm đến 68% tổng nợ phải thu và 30/9/2014 khoản phải thu khách hàng chiếm 91% tổng nợ phải thu. Các khoản phải thu tăng là do bắt đầu từ năm 2013, Công ty đẩy mạnh kinh doanh hàng hóa tự doanh gồm các phân bón NPK, Kali và SA. Đối với các loại phân bón này, Công ty đã áp dụng chính

sách cho khách hàng nợ tối đa 30 ngày để đẩy mạnh doanh số bán hàng, do đó phát sinh các khoản phải thu khách hàng. Khoản trả trước cho người bán chỉ chiếm khoảng 31,8% tổng nợ phải thu (trong khi năm 2012 trả trước người bán chiếm đến 88% tổng nợ phải thu). Tuy nhiên các khoản phải thu này đều trong hạn theo hợp đồng ký kết và định mức của Công ty. Công ty không có công nợ phải thu xấu.

➤ **Các khoản phải trả:**

Đvt: triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
I.	Nợ ngắn hạn	167.286	182.708	181.076
1	Vay và nợ ngắn hạn	-	24.452	-
2	Phải trả người bán	50.219	76.283	139.696
3	Người mua trả tiền trước	107.898	71.653	27.833
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.058	3.007	2.010
5	Phải trả người lao động	5.448	3.570	3.769
6	Chi phí phải trả	150	57	-
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	355	1.318	5.198
8	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	2.158	2.368	2.570
II.	Nợ dài hạn	174	-	-
1	Phải trả dài hạn khác	50	-	-
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	124	-	-
	Tổng Cộng	167.460	182.708	181.076

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, và BCTC 9T/2014

Khoản phải trả cho người bán chủ yếu là trả cho Tổng Công ty và chi nhánh của Tổng Công ty.

Khoản “Phải trả người bán” có xu hướng tăng qua các năm là do các năm về sau, Công ty đẩy mạnh kinh doanh các mặt hàng tự doanh nhập từ Chi nhánh Tổng Công ty, gồm phân bón NPK, Kali, SA, và phân bón khác nhưng chủ yếu là NPK và Kali. Trong khi đó khoản “Người mua trả tiền trước” lại có xu hướng giảm, do giá bán giảm, và trong thời gian trước nguồn cung phân bón U rê Phú Mỹ không đủ đáp ứng nhu cầu nên các đại lý và khách hàng luôn ứng trước nhiều tiền để đặt hàng, tuy nhiên, thời gian sau này, nguồn cung U rê Phú Mỹ trở nên dồi dào và cạnh tranh, khách hàng có nhiều sự lựa chọn nên

họ đã không ứng trước tiền cho Công ty nhiều như trước.

Công ty không có khoản phải trả nào quá hạn một (01) năm, mà các khoản phải trả của công ty được thanh toán trong vòng 45 ngày.

10.1.8. Hàng tồn kho

Chi tiết hàng tồn kho của Công ty qua các năm 2012, 2013 và 9 tháng 2014

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
1	Nguyên liệu, vật liệu	-	3.872	21.049
2	Hàng hóa	93.078	147.519	102.104
3	Chi phí SXKD dở dang	73	-	2.030
4	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.184)	(1.543)	-
	Tổng cộng	88.967	149.848	125.183

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, và BCTC 9T/2014

Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2013 và 30/09/2014 tăng và có giá trị tương đối cao so với thời điểm 31/12/2012. Cụ thể hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2013 tăng 61 tỷ đồng, tương ứng tăng 58% so với thời điểm 31/12/2012.

10.1.9. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty qua các năm 2012, 2013 và 9 tháng 2014

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/09/2014
1	Đầu tư ngắn hạn	2.600	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, và BCTC 9T/2014

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn 2,6 tỷ đồng là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 02 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 8%/năm đến 12%/năm.

10.1.10. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2012, 2013

Stt	Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013
I.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			

Stt	Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ NH	Lần	1,74	1,61
2	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ NH	Lần	1,21	0,79
II. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	51,66	53,42
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	106,86	114,70
III. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho BQ GVHB/HTK bình quân	Vòng	64,32	26,95
2	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản BQ	Lần	14,03	10,02
IV. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	1,11	0,94
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	27,24	19,88
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản BQ	%	15,52	9,43
4	Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,37	1,27

11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát

11.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Nguyễn Đức Hòa	Chủ tịch HĐQT
2	Trịnh Văn Khiêm	Ủy viên HĐQT

Stt	Họ và tên	Chức vụ
3	Hoàng Tuấn Vinh	Ủy viên HĐQT
4	Đặng Hữu Thắng	Ủy viên HĐQT
5	Lê Quang Thành	Ủy viên HĐQT
Ban Giám đốc		
1	Trịnh Văn Khiêm	Giám đốc
2	Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc
3	Phạm Tuấn Sơn	Phó Giám đốc
4	Võ Ngọc Phương	Kế toán trưởng

11.1.1. Chủ tịch HĐQT – NGUYỄN ĐỨC HÒA:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/12/1956
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 02 Lạc Long Quân, Phường 12, TP. Vũng Tàu
- Số điện thoại liên lạc: 0903 003 132
- Số CMND: 273551542 do Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 07/09/2011
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1978 – 1980	Công ty Thiết kế Dầu khí Hà Nội	Kỹ sư
11/1980 – 02/1983	Ban Kiến thiết khu Công nghiệp Dầu khí	Kỹ sư
03/1983 – 11/1984	Ban Quản lý công trình Dầu khí Vũng Tàu	Kỹ sư
12/1984 – 12/1989	Ban Quản lý công trình Dầu khí Vũng Tàu	Phó phòng Kỹ thuật
01/1990 – 12/1990	Ban Quản lý công trình Dầu khí Vũng Tàu	Trưởng phòng Kỹ thuật
01/1991 – 12/1992	Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Dầu khí.	Đội trưởng đội xây dựng

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/1993 – 10/1995	Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Dầu khí.	Chuyên viên
11/1995 – 03/1996	Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Dầu khí.	Phó phòng Kế hoạch
04/1996 – 09/1998	Trung tâm phát triển Dầu khí thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Dầu khí.	Phó giám đốc
10/1998 – 10/2001	Ban Quản lý dự án tuyến ống – kho cảng LPG Thị Vải thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Dầu khí.	Phó Giám đốc
11/2001 – 03/2006	Ban Quản lý dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Phó trưởng ban
04/2006 – 07/2006	Ban Quản lý dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Trưởng ban
08/2006 – 01/2008	Ban Quản lý Đầu tư xây dựng Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí	Trưởng ban
02/2008 – 04/2009	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Phó Tổng giám đốc
05/2009 – 06/2013	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Ủy viên HĐQT
07/2013 – Nay	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện cho PVFCCo: 2.500.000 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Nguyễn Đức Hiền	Em trai	27.000	0,216
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	9.375.000	75

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

11.1.2. Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc - TRỊNH VĂN KHIÊM

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/02/1973
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 45/01 Lê Văn Huân, Phường 13, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc: 0903 855 100
- Số CMND: 151117818 do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 25/01/2003
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/1994 - 05/1996	Công ty 489 Cục Quản lý Hành chính BTM – Cơ quan Bộ Quốc Phòng	Chuyên viên
06/1996 - 08/2000	Công ty 489 Cục Quản lý Hành chính BTM – Cơ quan Bộ Quốc Phòng	Trợ lý Giám đốc
09/2000 - 11/2001	Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Khí, Vũng Tàu	Chuyên viên
12/2001 - 07/2006	Công ty Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam – Tp. HCM	Chuyên viên
08/2006 - 05/2007	Công ty Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam – Tp. HCM	Phó trưởng phòng
06/2007 - 07/2007	Công ty Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam – Tp. HCM	Trưởng phòng
08/2007 - 06/2008	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam – Tp. HCM	Phó Tổng Giám đốc
07/2008 - 08/2008	Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần	Chuyên viên
09/2008 - 12/2010	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất	Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Dầu khí Đông Nam Bộ	
01/2011	Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Giám đốc
02/2011	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Giám đốc
03/2011-06/2013	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Chủ tịch HĐQT
07/2013-Nay	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP: 3.750.000 cổ phần, chiếm 30% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	9.375.000	75%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

11.1.3. Ủy viên HĐQT – HOÀNG TUẤN VINH

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/04/1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: B1-1106, CC City garden, 59 Ngô Tất Tố, Q.Bình Thạnh, HCM.
- Số điện thoại liên lạc: 0903374928
- Số CMND: 111324477 do Công an Hà Tây cấp ngày 08/08/2006

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị - Kinh doanh.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng ban Kế hoạch Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1994 – 9/2008	Liên Doanh Viet-Nga (Vietsovpetro)	Trưởng ban Thông tin kinh tế - kỹ thuật, Trung tâm CNTT và liên lạc
9/2008 – Nay	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Trưởng ban Kế hoạch
07/2014 – Nay	Công Ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Ủy viên Hội đồng quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Phân Bón và Hóa chất Dầu Khí: 1.562.500 cổ phần, chiếm 12,5% vốn điều lệ.
- + Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	9.375.000	75%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị Quyết số 19/NQ-ĐNB ngày 08/04/2014 tại Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

11.1.4. Ủy viên HĐQT – ĐẶNG HỮU THẮNG:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/07/1977
- Nơi sinh: Nghệ An

- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 362/24 Hai Bà Trưng, P. Tân Định, Q1, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0914151149
- Số CMND: 025224418 do Công an TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 29/01/2010
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Nông học, Kỹ sư trồng trọt.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó trưởng ban Ban Tiếp thị - Truyền thông, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2001 – 4/2003	Khoa Nông học, Trường Đại học Nông Lâm Huế.	Giảng viên
5/2003 – 5/2006	Du học tại Thái Lan	
6/2006 – 8/2006	Công ty sản xuất và cung cấp phân bón Thên Minh VN.	Chuyên viên tư vấn kỹ thuật và kinh doanh
8/2006 – 9/2007	Công ty Giám định Control Union Việt Nam.	Chuyên viên
10/2007 – 08/2010	Ban Tiếp thị - Truyền thông, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.	Chuyên viên
08/2010 – 03/2012	Phòng Dịch vụ Kỹ thuật, Ban Phân bón, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Phó trưởng phòng
04/2012 – 09/2014	Ban Phân bón, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.	Phó trưởng ban
09/2014 - nay	Ban Tiếp thị - Truyền thông, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.	Phó trưởng ban
04/2012 – nay	Công ty CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Ủy viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Phân Bón và Hóa chất Dầu Khí – CTCP: 1.562.500 cổ phần, chiếm 12,5% vốn điều lệ.
- + Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	9.375.000	75%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị Quyết số 19/NQ-ĐNB ngày 08/04/2014 tại Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

11.1.5. Ủy viên HĐQT - LÊ QUANG THÀNH:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/12/1950
- Nơi sinh: Đồng Tháp
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 126 Nguyễn Văn Trỗi, P. 2, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Số điện thoại liên lạc: 0903 834 276
- Số CMND: 341181819 Nơi cấp: Công an Đồng Tháp Ngày cấp: 28/09/2009
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên HĐQT.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH TMDV Hoa Anh Đào.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1967 - 1975	Buôn bán	
1976 - 1996	Công ty XNK Đồng Tháp	Phó phòng hành chính
1997 - 2000	Công ty phát triển nhà Đồng Tháp	Trưởng phòng kinh doanh
2001 đến nay	Công ty TNHH TMDV Hoa Anh Đào	Giám đốc

3/2011- nay	Công ty cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Ủy viên HĐQT
-------------	--	--------------

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị Quyết số 19/NQ-ĐNB ngày 08/04/2014 tại Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

11.2.1. Giám đốc – TRỊNH VĂN KHIÊM

Thông tin như trên

11.2.2. Phó Giám đốc – NGUYỄN TIẾN SỸ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/12/1967
- Nơi sinh: Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Căn hộ 12, lầu 8 Chung cư Cửu long, p.13, Bình Thạnh.
- Số điện thoại liên lạc: 0907135755
- Số CMND: 023747751 Nơi cấp: Công an Tp.HCM Ngày cấp: 09/01/2013
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/1992 - 06/1994	Công ty Bảo Việt Nghệ An	Khai thác viên
08/1994 - 03/1996	Bảo hiểm Y Tế Dầu khí – CN Tp. HCM	Giám định viên

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
03/1996 - 09/1997	Công ty Bảo hiểm Dầu khí (PVI) – CN Tp. HCM	Cán bộ khai thác
10/1997 - 10/2000	Công ty Bảo hiểm Dầu khí (PVI) – CN Tp. HCM	Phụ trách Khai thác, Giám định Bảo hiểm Y tế
10/2000 – 03/2004	Công ty Bảo hiểm Dầu khí (PVI) – CN Tp. HCM	Trưởng phòng TCHC
04/2004 – 05/2006	Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo)	Chuyên viên
06/2006 – 10/2007	Công ty Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí	Phó phòng Hành chính Quản trị
11/2007 – 08/2008	Xí nghiệp kinh doanh phân bón và hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo)	Phó Giám đốc
09/2008 – 12/2010	Công ty TNHH MTV Phân bón và & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Phó Giám đốc
12/2010 - 01/2011	Công ty TNHH Phân bón và & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Phó Giám đốc
02/2011 - Nay	Công ty Cổ phần Phân bón và & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Phó Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 28.000 cổ phần, chiếm 0,224% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

11.2.3. Phó Giám đốc – PHẠM TUẤN SƠN:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/10/1981

- Nơi sinh: Buôn Mê Thuật, Đaklak
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Nhà W2-10, CC 4S, đường 17 Kha Vạn Cân, P. Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP. HCM.
- Số điện thoại liên lạc: 0982 060 820
- Số CMND: 273088803 Nơi cấp: Bà Rịa – Vũng Tàu Ngày cấp: 20/04/2013
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý Công nghiệp.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
-

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2006 - 7/2008	Tổng Công ty Khí Việt Nam	Chuyên viên
7/2008 -07/2009	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Trợ lý TGĐ
08/2009 - 08/2010	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Phó ban Tiếp thị truyền thông
09/2010 - 02/2011	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Phó ban Phân bón
03/2011 - Nay	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Phó Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 8.700 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

11.2.4. Kế toán trưởng – VÕ NGỌC PHƯƠNG:

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 10/11/1978
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 325/6/3 đường Đất Mới, Quận Bình Tân, TP HCM.
- Số điện thoại liên lạc: 0903004737
- Số CMND: 025020951 Ngày cấp: 08/09/2008 Nơi cấp: Công an TP HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2002 – 09/2003	Công ty TNHH SXTM thép Chánh Nguyên	Nhân viên kinh doanh
10/2003 – 11/2004	Trung tâm TDDT Quận 10	Kế toán
12/2004 – 08/2005	Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu Khí	Chuyên viên kế toán
09/2005 – 09/2007	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Chuyên viên kế toán
10/2007 – 07/2010	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng TCKT
08/2010 – 12/2010	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Phó Giám đốc
01/2011 – 03/2012	Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Phó Giám đốc
04/2012 – Nay	Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Kế toán trưởng kiêm

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

11.2. Thành viên Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Hoài Hương	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Thị Kim Anh	Thành viên Ban kiểm soát
3	Phạm Thành Long	Thành viên Ban kiểm soát

11.2.1. Trưởng Ban kiểm soát – PHẠM HOÀI HƯƠNG:

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 04/04/1976
- Nơi sinh: Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: A11 Lô A, CC Bộ Công An, P.Bình An, Q.2, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0918 481 665
- Số CMND: 024792971 Nơi cấp: Công an Tp.HCM Ngày cấp: 25/02/2008
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban Kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Ban kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2000 - 12/2001	Phòng Tài vụ - Công ty Dụng cụ Cắt & Đo lường Cơ khí –TP.Hà Nội	Kế toán viên
01/2002 – 03/2004	Phòng kế hoạch - Ban Quản lý Dự Án Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Chuyên viên kế hoạch
04/2004 – 08/2008	Ban Tài chính Kế toán - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Chuyên viên kế toán
08/2008 – 01/2011	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Chuyên viên Ban TCKT

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.	Kiểm soát viên
02/2011 – Nay (11/2014)	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP.	Chuyên viên Ban KTNB
	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.	Trưởng Ban Kiểm Soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 11.700 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ.
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Lê Quốc Hưng	Chồng	1.000	0,008

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị Quyết số 19/NQ-ĐNB ngày 08/04/2014 tại Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

11.2.2. Thành viên Ban kiểm soát – NGUYỄN THỊ KIM ANH:

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 25/07/1975
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 10 Đường số 5, Cư xá Chu Văn An, P26, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0983 270 299
- Số CMND: 025358316 Nơi cấp: Công an TP.HCM Ngày cấp: 23/08/2010
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán; Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên BKS

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Ban kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Miền Trung.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 1999	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí VN	Chuyên viên Kế toán
1999 – 2005	Công ty CP Xây lắp Dầu khí	Chuyên viên Kế toán
2005 – 2009	Công ty Tài chính CP Dầu khí VN – Chi nhánh Vũng Tàu	Phó phòng Kế toán
2007 – 2009	Công ty Tài chính CP Dầu khí VN – Chi nhánh Sài Gòn	Phó phòng giao dịch Trung tâm Sài Gòn
2009 – 2011	Công ty CP Phân bón & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Chuyên viên Kế toán
08/2011– nay	TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Chuyên viên
09/2012 – nay	Công ty CP Phân bón & Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Trưởng Ban kiểm soát
02/2011 – nay	Công ty CP Phân bón & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Thành viên BKS

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 11.670 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị Quyết số 19/NQ-ĐNB ngày 08/04/2014 tại Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

11.2.3. Thành viên Ban kiểm soát – PHẠM THÀNH LONG:

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/09/1976
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 131 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc: 0936 636 986
- Số CMND: 0309449941 Nơi cấp: Công an Hải Phòng Ngày cấp: 27/03/2009
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Văn phòng HĐQT Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
20/11/2003 – 15/04/2004	Công ty TNHH Sao Vàng - Nhà máy giày STELLA	Nhân viên
15/04/2004 – 01/03/2006	Công ty TNHH Sao Vàng - Nhà máy giày STELLA	Trưởng phòng
01/03/2006 – 01/09/2006	Công ty TNHH Đinh Vàng - Nhà máy giày Liên Dinh	Trợ lý Giám đốc
01/09/2006 – 01/08/2007	Công ty TNHH Sao Vàng - Nhà máy giày STELLA	Trợ lý Giám đốc
01/08/2007 – 15/05/2008	Công ty Phân đạm và Hóa chất dầu khí	Chuyên viên
15/05/2008 – Nay	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Chuyên viên
09/2012 – Nay	Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu Khí Miền Trung	Thành viên BKS
2/2011– Nay	Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu Khí Đông Nam Bộ	Thành viên BKS

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Những người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty : Thù lao nhận được theo quy định của Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị Quyết số 19/NQ-ĐNB ngày 08/04/2014 tại Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

12. Tài sản

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty năm 2012, 2013 và tại thời điểm 30/09/2014 như sau:

Giá trị TSCĐ tại thời điểm 31/12/2012, 30/12/2013 và 30/09/2014

Dvt: Triệu đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2012		31/12/2013		30/09/2014	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	22.171	16.616	31.965	25.749	45.163	35.201
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	16.734	14.430	28.086	24.039	28.086	21.938
2	Phương tiện vận tải	1.906	1.108	2.079	948	4.704	3.150
3	Máy móc, thiết bị	-	-	493	410	11.020	9.859
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	3.531	1.078	1.307	352	1.353	254
II	Tài sản cố định vô hình	14.418	13.758	20.208	19.090	20.208	18.650
1	Quyền sử dụng đất	14.363	13.752	20.153	19.090	20.153	18.650
2	Phần mềm máy tính	55	6	55	-	55	-
	Tổng cộng	36.589	30.374	52.173	44.839	65.371	53.851

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012,2013 và BCTC quý 3/2014

➤ CHI TIẾT VỀ TÀI SẢN LÀ ĐẤT ĐAI VÀ BẤT ĐỘNG SẢN

STT	Tên Tài sản	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Tình trạng sở hữu
-----	-------------	-----------------------------	------------------	-------------------

STT	Tên Tài sản	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Tình trạng sở hữu
1	Quyền sử dụng đất tại xã Hòa Ninh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng	1.806m ²	Văn phòng Chi nhánh Lâm Đồng và kho chứa hàng	Quyền sử dụng đất
2	Quyền sử dụng đất tại xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	9.264 m ²	Văn phòng Chi nhánh Đồng Nai và kho chứa hàng	Quyền sử dụng đất
3	27 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Bình Thạnh, HCM		Văn phòng Công ty	Thuê
4	Quyền sử dụng đất tại thôn 8 xã Nam Bình, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.	5.000 m ²	Văn phòng chi nhánh Đắk Nông và kho chứa hàng	Quyền sử dụng đất

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

🚩 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức dự kiến trong năm tiếp theo:

Dựa vào kế hoạch đầu tư xây dựng, định hướng phát triển của PVFCCo SE cho giai đoạn 2014 – 2015, PVFCCo SE đặt cho mình kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức dự kiến năm sau như sau:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2013	Giá trị	% tăng giảm so với năm 2014
Doanh thu thuần	2.978.000	-10,74%	2.568.785	-13,73%
Lợi nhuận sau thuế	29.750	-5,29%	17.454	-41,33%
Vốn điều lệ	125.000	0%	125.000	0%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,00%		0,68%	
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	23,8%		13,96%	
Tỷ lệ cổ tức	18%		12%	

Nguồn: PVFCCo SE

13.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Đối với kế hoạch năm 2014: Theo kế hoạch của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại Nghị quyết số 19/NQ-ĐNB ngày 08/04/2014 thì sản lượng kế hoạch 2014 là 373.000 tấn, doanh thu 2.978 tỉ đồng, lợi nhuận trước thuế là 38,14 tỉ đồng. Trong đó, 10 tháng đầu năm 2014 Công ty đã thực hiện sản lượng đạt: 324.677 tấn, doanh thu đạt 2.415,507 tỉ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 32,109 tỉ đồng. Như vậy kế hoạch còn lại 2 tháng cuối năm: sản lượng 48.323 tấn, doanh thu 562,493 tỉ đồng, lợi nhuận trước thuế 6,031 tỉ đồng.
- Trên cơ sở đó, Công ty đã xây dựng kế hoạch tháng 11 và tháng 12 để thực hiện hoàn thành kế hoạch năm, trong đó nguồn cung chủ yếu từ urê Phú Mỹ do tổng Công ty cung cấp đã được xác nhận, ngoài ra Công ty sẽ tranh thủ khai thác thêm các nguồn hàng bên ngoài để tăng thêm sản lượng và doanh thu. Tình hình thị trường từ giữa tháng 11 và tháng 12 sẽ khởi sắc hơn do khu vực Đông Nam Bộ vào đợt bón cuối cho cây công nghiệp và chuẩn bị cho vụ Đông xuân nên nhu cầu sẽ tăng lên. Bên cạnh đó, giữa tháng 11 giá cao su tăng trở lại so với trước nên người trồng cao su sẽ bón phân trở lại. Ngoài ra doanh thu và lợi nhuận ổn định từ mảng kinh doanh hóa chất trong 2 tháng cuối năm. Công ty cũng đã làm việc với các đại lý về kế hoạch tiêu thụ 2 tháng cuối năm và cơ bản các Đại lý đã đồng ý tiêu thụ hết khối lượng theo kế hoạch. Do đó Công ty hoàn toàn tin tưởng và có cơ sở hoàn thành kế hoạch năm 2014 trong 2 tháng còn lại.
- Đối với kế hoạch 2015: Công ty đã phân tích kỹ nhu cầu thị trường, mùa vụ trong năm. Đối với sản lượng urê Phú Mỹ, Tổng Công ty cam kết cung cấp đủ theo kế hoạch, các nguồn hàng khác Công ty đã làm việc với các nhà cung cấp để đảm bảo nguồn hàng ổn định và đủ sản lượng. Mức giá bán đã xây dựng trên cơ sở giá đầu vào của Tổng Công ty và dự kiến từ các nhà cung cấp khác. Giá bán phù hợp với xu hướng giá thị trường trong năm tới. Tuy nhiên, doanh thu và lợi nhuận kế hoạch của năm 2015 lại giảm so với năm 2014, là do nguồn cung lớn hơn nhu cầu (từ nhà máy Ninh Bình, nhà máy Đạm Cà Mau, nguồn nhập khẩu, ...) dẫn đến thị trường cạnh tranh gay gắt, đặc biệt cạnh tranh về giá. Địa bàn Đông Nam Bộ là trung tâm tập trung các nguồn hàng trong nước và nhập khẩu do đó mức độ cạnh tranh càng gay gắt hơn.
- Về kế hoạch tiêu thụ, Công ty đã làm việc với từng đại lý về nhu cầu, kế hoạch tiêu thụ năm 2015. Trên cơ sở đó, Công ty xây dựng kế hoạch tiêu thụ cho công ty và làm việc với các nhà cung cấp để đảm bảo nguồn hàng.
- Bên cạnh đó với các hợp đồng hóa chất với các hợp đồng cung cấp đã ký trong năm 2014 có thời hạn đến năm 2015 nên nguồn cung và tiêu thụ ổn định, doanh thu và lợi nhuận được đảm bảo.

13.2. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua:

Sản xuất nông nghiệp sạch, nâng cao chất lượng nông sản nhằm đảm bảo vệ sinh an

toàn thực phẩm và thân thiện với môi trường đang là mục tiêu phấn đấu của ngành nông nghiệp nói chung và nông dân nói riêng. Thời gian qua PVFCCo SE chú trọng nghiên cứu các sản phẩm phân bón hữu cơ phục vụ nền nông nghiệp bền vững.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của PVFCCo SE, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí dự kiến trong năm 2014 và 2015, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của PVFCCo SE là có thể đạt được nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng. PVFCCo SE là một trong bốn công ty phân phối phân bón có tiền thân là công ty con của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu Khí – CTCP, được phân chia phân phối phân bón trên địa bàn các tỉnh Đông Nam Bộ nhờ đó công ty có ưu thế vượt trội so với các công ty phân phối trong khu vực nhờ sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP về nguồn hàng và vốn cũng như hệ thống kho bãi dự trữ hàng hóa.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí lưu ý rằng những nhận xét của chúng tôi chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. PSI khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý PSI bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của PVFCCo-SE

Không có.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Loại chứng khoán niêm yết là Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá chứng khoán niêm yết là 10.000 đồng/cổ phiếu (mười nghìn đồng/một cổ phiếu)

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Số chứng khoán niêm yết là 12.500.000 cổ phiếu (Mười hai triệu năm trăm ngàn cổ phiếu).

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Cổ đông nội bộ	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần đại diện	Tổng Cộng	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Đức Hòa	Chủ tịch HĐQT	-	2.500.000	2.500.000	20,00%
Ông Trịnh Văn Khiêm	Ủy viên HĐQT/ Giám đốc	20.000	3.750.000	3.770.000	30,16%
Ông Đặng Hữu Thắng	Ủy viên HĐQT	-	1.562.500	1.562.500	12,50%
Ông Hoàng Tuấn Vinh	Ủy viên HĐQT	-	1.562.500	1.562.500	12,50%
Ông Lê Quang Thành	Ủy viên HĐQT	-	-	-	0,00%
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc	28.000	-	28.000	0,224%
Ông Phạm Tuấn Sơn	Phó Giám đốc	8.700	-	8.700	0,07%
Bà Phạm Hoài Hương	Trưởng Ban Kiểm Soát	11.700	-	11.700	0,094%
Ông Phạm Thành Long	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	-	0,00%
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Thành viên Ban kiểm soát	11.670	-	11.670	0,093%
TỔNG CỘNG		80.070	9.375.000	9.455.070	75,641%

Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo cam kết của thành viên HĐQT, BKS, BGD, KTT và cổ đông lớn là người có liên quan: 9.455.070 cổ phần. Trong đó, số cổ phần sở hữu cá nhân: 80.070 cổ phiếu, số cổ phần đại diện cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP: 9.375.000 cổ phần. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong 06 tháng và hạn chế 50% trong 06 tháng tiếp theo.

5. Phương pháp tính giá

5.1. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của Cổ phiếu cũng là một trong những căn cứ làm cơ sở để cùng với các yếu tố khác để nhà đầu tư tham khảo tính toán mức giá phù hợp cho cổ phiếu của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2012: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12.500.000 cổ phiếu.

Tổng vốn chủ sở hữu tại 31/12/2012 là 156.714.907.865 đồng.

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{156.714.907.865}{12.500.000} = 12.537 \text{ đồng/cổ phần}$$

Tại thời điểm 31/12/2013: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12.500.000 cổ phiếu.

Tổng vốn chủ sở hữu tại 31/12/2013 là 159.286.972.793 đồng.

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{159.286.972.793}{12.500.000} = 12.743 \text{ đồng/cổ phần}$$

Tại thời điểm 30/09/2014: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12.500.000 cổ phiếu.

Tổng vốn chủ sở hữu tại 30/06/2014 là 165.789.656.369 đồng.

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần}} = \frac{165.789.656.369}{12.500.000} = 13.263 \text{ đồng/cổ phần}$$

5.2. Phương pháp tính giá

5.2.1. Tính giá theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá trị 1 cổ phiếu của Công ty được tính bằng công thức:

$$P = EPS * P/E_{bq}$$

Trong đó;

P: Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

EPS: Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu

P/E_{bq}: được tính toán dựa trên tổng hợp P/E cơ bản của một số công ty trong ngành phân bón và hóa chất có nhiều sự tương đồng nhất với PVFCCo-SE đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

5.2.2. Tính giá theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá trị 1 cổ phiếu của Công ty tính bằng công thức:

$$P = BV * P/Bbq_n$$

Trong đó:

P: Giá trị 1 cổ phiếu (theo phương pháp P/B)

BV: Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu

P/Bbq_n được tính toán dựa trên tổng hợp P/B cơ bản của một số công ty trong ngành phân bón và thương mại có nhiều sự tương đồng nhất với PVFCCo SE đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên và các phương pháp khác theo quy định, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ của PVFCCo SE không quy định cụ thể tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Vì vậy cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phần của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Khi cổ phiếu của PVFCCo SE được niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định hiện hành là 49% theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài có thể thay đổi theo các quy định của pháp luật tại thời điểm tương ứng.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1. Thuế liên quan đến tổ chức niêm yết chứng khoán

- Thuế GTGT: Theo Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ tài chính “Hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT”, mức thuế suất mà công ty hiện đang áp dụng là: 5% đối với phân bón; 10% đối với hóa chất; và các hàng hóa khác theo quy định của pháp luật.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp”, mức thuế công ty đang áp dụng cho năm 2014 – 2015 là 22%, kể từ ngày 01/01/2016 thì mức thuế được áp dụng là 20%.
- Các loại thuế khác (thuế môn bài, thuế thuê đất, thuế thu nhập cá nhân): Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật.

7.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân, thì:

- **Thu nhập tính thuế:** Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.
 - Giá bán chứng khoán được xác định như sau:
 - + Đối với chứng khoán niêm yết: giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường chứng khoán tại thời điểm bán. Giá thị trường tại thời điểm bán là giá khớp lệnh do Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán công bố.
 - + Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
 - + Đối với chứng khoán của các công ty không thuộc các trường hợp nêu trên thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán được chuyển nhượng tại thời điểm bán.
 - + Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá chuyển nhượng hoặc giá chuyển nhượng trên hợp đồng không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá chuyển nhượng theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.
 - Giá mua chứng khoán được xác định như sau:
 - + Đối với chứng khoán niêm yết: giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán.
 - + Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
 - + Đối với chứng khoán mua thông qua đấu giá thì giá mua là giá trúng đấu giá.
 - + Đối với chứng khoán không thuộc các trường hợp nêu trên: Giá mua chứng khoán là giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua.
 - + Trường hợp trên hợp đồng không quy định giá mua hoặc giá mua cao hơn giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá mua.
 - Các chi phí hợp lệ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với chuyển nhượng

chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh của hoạt động chuyển nhượng chứng khoán có hoá đơn, chứng từ theo chế độ quy định bao gồm:

- + Chi phí để làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng;
- + Các khoản phí và lệ phí người chuyển nhượng nộp ngân sách nhà nước khi làm thủ tục chuyển nhượng;
- + Phí lưu ký chứng khoán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và chứng từ thu của công ty chứng khoán;
- + Phí uỷ thác chứng khoán căn cứ vào chứng từ thu của đơn vị nhận uỷ thác;
- + Các khoản chi phí khác có chứng từ chứng minh.

➤ **Thuế suất và cách tính thuế:**

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cá nhân áp dụng thuế suất 20% đối với chuyển nhượng chứng khoán phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đăng ký phương pháp nộp thuế theo mẫu số 15/ĐK-TNCN với cơ quan thuế trực tiếp quản lý công ty chứng khoán mà cá nhân đăng ký giao dịch hoặc Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú. Thời hạn đăng ký được thực hiện như sau:
 - + Năm 2009: cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký ngay từ đầu năm, thời hạn đăng ký chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm 2009.
 - + Từ năm 2010 trở đi cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm trước.
- Thực hiện đăng ký thuế và có mã số thuế.
- Thực hiện chế độ kế toán hoá đơn chứng từ xác định được thu nhập tính thuế từ việc chuyển nhượng chứng khoán theo quy định.
- Việc áp dụng thuế suất 20% phải tính trên tổng các loại chứng khoán đã giao dịch trong năm dương lịch.
- Cách tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế X Thuế suất 20%

Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Cách tính thuế phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng X Thuế suất 0,1%

➤ **Thời điểm xác định thu nhập tính thuế**

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết là thời điểm Trung tâm giao dịch hoặc Sở giao dịch chứng khoán công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán là thời điểm Trung tâm giao dịch công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán không thuộc trường hợp nêu trên là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán có hiệu lực. Trường hợp không có hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán thì thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký chuyển tên sở hữu chứng khoán.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ (PSI)

- Trụ sở chính:

- Địa chỉ: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội
- Điện thoại: 04.3934 3888
- Fax: 04.3934 3999
- Website: www.psi.vn
- Email: psi@psi.vn

- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ: 24-26, Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại: 08.3914 6789 Fax: 08.3914 6969

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

- Địa chỉ: Số 8, Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội
- Điện thoại: 04.3852 4123 Fax: 04.3852 4143
- Website: www.deloitte.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

2. Phụ lục II: Điều lệ công ty

3. Phụ lục III: Các báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013 và báo cáo tài chính Quý 3/2014 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ.

4. Phụ lục IV: Các văn bản khác

- Giới thiệu văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức đăng ký niêm yết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2014

**CHỮ KÝ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC,
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN ĐỨC HÒA

GIÁM ĐỐC

TRỊNH VĂN KHIÊM

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

PHẠM HOÀI HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VÕ NGỌC PHƯƠNG

**CHỮ KÝ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



MAI TRUNG DŨNG